UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Đỗ Tường Hiệp - Bùi Mạnh Hùng (Đồng Tổng Chủ biên)
Đỗ Thị Minh Chính - Nguyễn Đình Cử - Đoàn Thị Thuý Hạnh
Trần Thị Hà Giang - Bùi Quang Thành - Trịnh Đình Tùng (Đồng Chủ biên)
Phạm Đức Anh - Nguyễn Trọng Đặng - Võ Thanh Hà - Nguyễn Thị Thanh Hải
Đỗ Thị Nga - Lê Văn Nhất - Chu Văn Phái - Vũ Văn Quân - Huỳnh Ngọc La Sơn
Lương Thanh Sơn - Lê Thị Thảo - Bùi Thanh Thuỷ - Phí Công Việt - Phan Văn Xuân

TÀI LIỆU

Giáo dục địa phương

TỈNH ĐẮK LẮK

Lớp 8

Lời nói đầu

Các em học sinh thân mến!

Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Đắk Lắk được biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 nhằm giới thiệu cho học sinh những hiểu biết về địa phương, nơi các em đang sinh sống. Từ đó, bồi dưỡng cho học sinh tình yêu quê hương đất nước; tự hào và có ý thức tìm hiểu, giữ gìn, phát huy các giá trị văn hoá của quê hương Đắk Lắk. Thông qua những bài học sinh động, gần gũi với cuộc sống diễn ra xung quanh, các em có thể gắn kết và vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn.

Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Đắk Lắk – lớp 8 gồm 12 bài được biên soạn theo hướng tích hợp các lĩnh vực: văn hoá, lịch sử; địa lí, kinh tế, hướng nghiệp; chính trị – xã hội và môi trường. Mỗi bài học được thiết kế theo các bước: Mở đầu, kiến thức mới, luyện tập và vận dụng.

Dưới sự hướng dẫn của các thầy, cô giáo, các em hãy tích cực học tập và trải nghiệm để hiểu biết thêm về nơi mình sinh sống, đồng thời thêm yêu mến và gắn bó với quê hương mình.

Chúc các em có những giờ học, hoạt động trải nghiệm thật thú vị và bổ ích với *Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Đắk Lắk – lớp 8*.

CÁC TÁC GIẢ

Mục lục

PHẦN I. VĂN HOÁ, LỊCH SỬ

Bài 1. Đắk Lắk từ thế kỉ XV đến nửa đầu thế kỉ XIX 6

Bài 2. Đắk Lắk nửa sau thế kỉ XIX đến năm 1930 10

Bài 3. Một số lễ hội truyền thống ở Đắk Lắk 16

Bài 4. Một số làn điệu dân ca ở Đắk Lắk 23

Bài 5. Trang phục truyền thống của một số dân tộc ở Đắk Lắk 30

PHẦN II. ĐỊA LÍ, KINH TẾ, HƯỚNG NGHIỆP

Bài 6. Khái quát chung nền kinh tế tỉnh Đắk Lắk 35

Bài 7. Địa lí ngành nông, lâm, thuỷ sản của tỉnh Đắk Lắk 38

Bài 8. Địa lí ngành công nghiệp Đắk Lắk 44

Bài 9. Nhu cầu sử dụng và đào tạo lao động ở một số ngành nghề của tỉnh Đắk Lắk 48

Bài 10. Công nghiệp chế biến thực phẩm, đồ uống và công nghiệp chế biến lâm sản Đắk Lắk 54

PHẦN III. CHÍNH TRỊ – XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG

Bài 11. Chính sách an sinh xã hội cho đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Đắk Lắk 61

Bài 12. Một số thiên tai thường xảy ra ở Đắk Lắk và cách phòng tránh 68

Hướng dẫn sử dụng sách

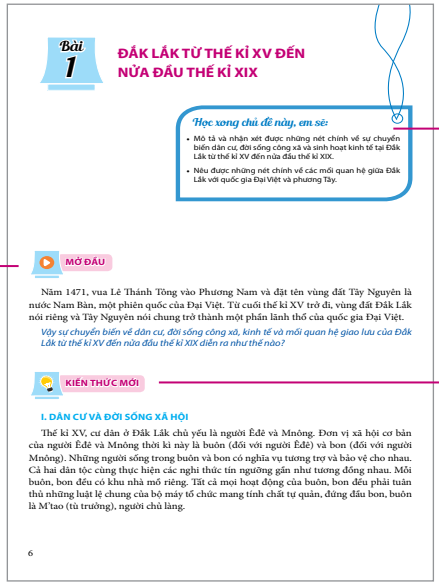

Bài 1

ĐẮK LẮK TỪ THẾ KỈ XV ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Mô tả và nhận xét được những nét chính về sự chuyển biến dân cư, đời sống công xã và sinh hoạt kinh tế tại Đắk Lắk từ thế kỉ XV đến nửa đầu thế kỉ XIX.
- Nêu được những nét chính về các mối quan hệ giữa Đắk Lắk với quốc gia Đại Việt và phương Tây.

MỞ ĐẦU

Năm 1471, vua Lê Thánh Tông vào Phương Nam và đặt tên vùng đất Tây Nguyên là nước Nam Bàn, một phiên quốc của Đại Việt. Từ cuối thế kỉ XV trở đi, vùng đất Đắk Lắk nói riêng và Tây Nguyên nói chung trở thành một phần lãnh thổ của quốc gia Đại Việt.

Vậy sự chuyển biến về dân cư, đời sống công xã, kinh tế và mối quan hệ giao lưu của Đắk Lắk từ thế kỉ XV đến nửa đầu thế kỉ XIX diễn ra như thế nào?

KIẾN THỨC MỚI

I. DÂN CƯ VÀ ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

Thế kỉ XV, cư dân ở Đắk Lắk chủ yếu là người Êđê và Mnông. Đơn vị xã hội cơ bản của người Êđê và Mnông thời kì này là buôn (đối với người Êđê) và bon (đối với người Mnông). Những người sống trong buôn và bon có nghĩa vụ tương trợ và bảo vệ cho nhau. Cả hai dân tộc cùng thực hiện các nghi thức tín ngưỡng gần như tương đồng nhau. Mỗi buôn, bon đều có khu nhà mồ riêng. Tất cả mọi hoạt động của buôn, bon đều phải tuân thủ những luật lệ chung của bộ máy tổ chức mang tính chất tự quản, đứng đầu bon, buôn là M'tao (tù trưởng), người chủ làng.

6

Mục tiêu: Nhấn mạnh về yêu cầu cần đạt, năng lực và phẩm chất, thái độ học sinh cần đạt được sau khi học.

Mở đầu: Xác định nhiệm vụ, vấn đề học tập học sinh cần giải quyết; kết nối với những điều học sinh đã biết, nêu vấn đề nhằm kích thích tư duy, tạo hứng thú đối với bài mới.

Kiến thức mới: Với các nội dung (kênh hình, kênh chữ) thông qua các hoạt động học tập giúp học sinh khai thác, tiếp nhận kiến thức mới.

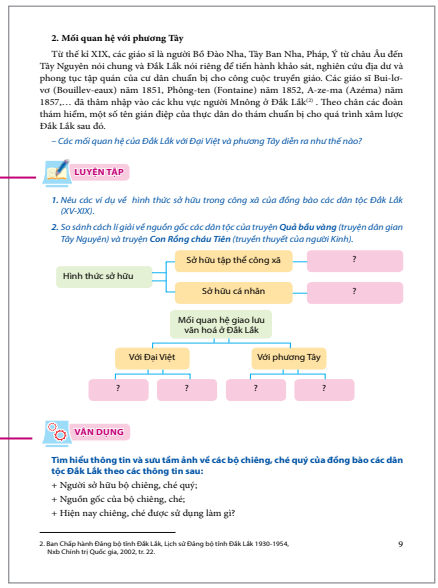

2. Mối quan hệ với phương Tây

Từ thế kỉ XIX, các giáo sĩ là người Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Pháp, Ý từ châu Âu đến Tây Nguyên nói chung và Đắk Lắk nói riêng để tiến hành khảo sát, nghiên cứu địa dư và phong tục tập quán của cư dân chuẩn bị cho công cuộc truyền giáo. Các giáo sĩ Bui-lơ-vơ (Bouillev-eaux) năm 1851, Phông-ten (Fontaine) năm 1852, A-ze-ma (Azéma) năm 1857,... đã thâm nhập vào các khu vực người Mnông ở Đắk Lắk[2]. Theo chân các đoàn thám hiểm, một số tên gián điệp của thực dân do thám chuẩn bị cho quá trình xâm lược Đắk Lắk sau đó.

– Các mối quan hệ của Đắk Lắk với Đại Việt và phương Tây diễn ra như thế nào?

LUYỆN TẬP

1. *Nêu các ví dụ về hình thức sở hữu trong công xã của đồng bào các dân tộc Đắk Lắk (XV-XIX).*
2. *So sánh cách lí giải về nguồn gốc các dân tộc của truyện* ***Quả bầu vàng*** *(truyện dân gian Tây Nguyên) và truyện* ***Con Rồng cháu Tiên*** *(truyền thuyết của người Kinh).*

VẬN DỤNG

Tìm hiểu thông tin và sưu tầm ảnh về các bộ chiêng, ché quý của đồng bào các dân tộc Đắk Lắk theo các thông tin sau:

+ Người sở hữu bộ chiêng, ché quý;
+ Nguồn gốc của bộ chiêng, ché;
+ Hiện nay chiêng, ché được sử dụng làm gì?

2. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk, Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk 1930-1954, Nxb Chính trị Quốc gia, 2002, tr. 22.

9

Luyện tập: Là các câu hỏi, bài tập, thực hành để củng cố kiến thức, rèn luyện các kĩ năng gắn với kiến thức vừa học.

Vận dụng: Sử dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các tình huống, vấn đề trong thực tiễn.

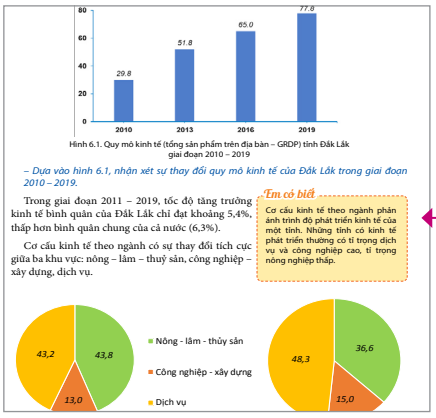

Hình 6.1. Quy mô kinh tế (tổng sản phẩm trên địa bàn – GRDP) tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2010 – 2019

– Dựa vào hình 6.1, nhận xét sự thay đổi quy mô kinh tế của Đắk Lắk trong giai đoạn 2010 – 2019.

Trong giai đoạn 2011 – 2019, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân của Đắk Lắk chỉ đạt khoảng 5,4%, thấp hơn bình quân chung của cả nước (6,3%).

Cơ cấu kinh tế theo ngành có sự thay đổi tích cực giữa ba khu vực: nông – lâm – thuỷ sản, công nghiệp – xây dựng, dịch vụ.

Em có biết

Cơ cấu kinh tế theo ngành phản ánh trình độ phát triển kinh tế của một tỉnh. Những tỉnh có kinh tế phát triển thường có tỉ trọng dịch vụ và công nghiệp cao, tỉ trọng nông nghiệp thấp.

Tuyến phụ: Thông tin hỗ trợ, bổ sung hoặc có tính liên môn nhằm làm rõ hơn nội dung chính.

Hãy bảo quản, giữ gìn sách để dành tặng các em học sinh lớp sau nhé!

Phần I

VĂN HOÁ, LỊCH SỬ

Bài 1 ĐẮK LẮK TỪ THẾ KỈ XV ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX

Học xong bài này, em sẽ:

- Mô tả và nhận xét được những nét chính về tình hình chính trị, dân cư và đời sống xã hội ở Đắk Lắk từ thế kỉ XV đến nửa đầu thế kỉ XIX.
- Nêu được các hoạt động kinh tế và hình thức sở hữu của cư dân Đắk Lắk từ thế kỉ XV đến nửa đầu thế kỉ XIX.

MỞ ĐẦU

– Xem video về đời sống xã hội và văn hoá của một dân tộc ở tỉnh Đắk Lắk.

– Nêu đơn vị xã hội và các hoạt động kinh tế, văn hoá chủ yếu trong video hoặc của dân tộc em/ một dân tộc khác ở địa phương mà em biết.

KIẾN THỨC MỚI

I. TÌNH HÌNH VỀ CHÍNH TRỊ

Năm 1471, vua Lê Thánh Tông tiến vào Phương Nam, đặt tên vùng đất Tây Nguyên là nước Nam Bàn và trở thành một phiên quốc của Đại Việt. Từ cuối thế kỉ XV trở đi vùng đất Đắk Lắk nói riêng, Tây Nguyên nói chung trở thành một phần của lãnh thổ Đại Việt.

Năm 1540, Bùi Tá Hán được bổ nhiệm vào trấn thủ Quảng Nam. Ông đã đưa ra nhiều chính sách nhằm thắt chặt hơn mối quan hệ giữa Đại Việt và các tộc người trên vùng cao nguyên như: tổ chức dinh điền, di dân lập ấp trên vùng cao; mở rộng việc buôn bán giữa người Kinh với đồng bào Tây Nguyên; xin triều đình nhà Lê phong vương cho hai vị thủ lĩnh là Thuỷ Xá và Hoả Xá người Jrai[1]. Những việc làm này góp phần làm cho quan hệ giữa các thủ lĩnh Tây Nguyên với phong kiến Đại Việt ngày càng thêm gần gũi, là cơ sở thực tiễn để nhiều bộ sử Đại Việt chú ý ghi chép về Tây Nguyên.

1. Tỉnh uỷ – HĐND tỉnh Đắk Lắk, *Địa chí Đắk Lắk*, Nxb Khoa học xã hội, 2015, tr.246.

Em có biết

Vào thế kỉ XVII – VXIII, Tây Nguyên được nhà bác học Lê Quý Đôn miêu tả trong bộ sách *Phủ biên tạp lục* như sau: Nước Nam Bàn xưa do Lê Thánh Tông phong ở phía Tây đầu nguồn phủ Phú Yên, xứ Quảng Nam; Nước ấy… cày bằng dao, trồng bằng chọc tỉa, tháng giêng gieo, tháng năm lúa chín, không gặt mà chỉ tuốt,…

Đến đầu thế kỉ XIX, triều Nguyễn khuyến khích người Kinh và người miền núi tự do trao đổi hàng hoá với nhau. Các thương lái người Kinh đã thường xuyên lên xuống vùng Đắk Lắk, Tây Nguyên để trao đổi đồ dùng sinh hoạt, thực phẩm,… và mua lại các loại lâm thổ sản, hương liệu, đặc biệt là trầm hương, mật ong, mật gấu, ngà voi, gỗ quý,…

– Trình bày tình hình chính trị ở Đắk Lắk (XV – XIX).

II. DÂN CƯ VÀ ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

Thế kỉ XV, cư dân ở Đắk Lắk chủ yếu là người Êđê và Mnông. Đơn vị xã hội cơ bản của người Êđê và Mnông thời kì này là buôn (đối với người Êđê) và bon (đối với người Mnông). Những người sống trong buôn và bon có nghĩa vụ tương trợ và bảo vệ cho nhau. Cả hai dân tộc cùng thực hiện các nghi thức tín ngưỡng gần như tương đồng nhau. Mỗi buôn, bon đều có khu nhà mồ riêng. Tất cả mọi hoạt động của buôn, bon đều phải tuân thủ những luật lệ chung của bộ máy tổ chức mang tính chất tự quản, đứng đầu bon, buôn là M'tao (tù trưởng), người chủ làng.

Đến đầu thế kỉ XIX, xã hội người Êđê, Mnông chưa có sự phân hoá giai cấp, chưa có tầng lớp thống trị bóc lột. Tuy nhiên, đã có sự phân hoá giàu nghèo, người giàu là người có nhiều chiêng, ché, trâu,…

Hình 1.1. Bộ chiêng bằng 6 chiếc của người Mnông

Hình 1.2. Ché quý của người Êđê

Em có biết

Người Êđê phân biệt ché thành bốn loại chính là: ché Tuk, ché Tang, ché Ba, ché Bô. Theo quan niệm của đồng bào, những chiếc ché càng cổ thì càng quý. Ché đựng rượu không thể thiếu trong mọi nghi lễ, từ mừng lúa mới, cầu sức khoẻ, cầu mùa, đón một sinh linh gia nhập cộng đồng cho đến khi kết thúc một kiếp người,…

Ché là một tài sản quý giá, có linh hồn. Có chiếc phải đổi bằng 15 con trâu mới có. Do vậy, khi mới mua ché về hoặc tặng ché, chủ ché thường làm nghi lễ tiễn ché.

– Nêu tình hình dân cư và đời sống xã hội ở Đắk Lắk từ thế kỉ XV đến đầu thế kỉ XIX.

III. SINH HOẠT KINH TẾ

Vào thế kỉ XV, cư dân Đắk Lắk vẫn đang ở trình độ sản xuất nông nghiệp sơ khai như: phát rừng làm rẫy, hái lượm rau quả, săn bắn thú rừng. Một số nghề thủ công phục vụ cuộc sống tự cung, tự cấp tiếp tục phát triển trong giai đoạn này như: đan lát, dệt vải, nghề rèn, nghề làm gốm.

Những sản vật quý giá của núi rừng còn được cư dân Đắk Lắk thu nhặt để trao đổi với cư dân ngoài cao nguyên.

Hình thức sở hữu tập thể buôn làng về đất đai và những nguồn lợi khác trên đất đai vẫn giữ địa vị thống trị. Tuy nhiên, trong đời sống cộng đồng cũng bắt đầu xuất hiện hình thức sở hữu cá nhân theo dòng họ, từng gia đình.

Mỗi dòng họ, mỗi gia đình lớn trong buôn làng đã có những khu rừng, đất đai trồng trọt, sản vật, công cụ sản xuất,… được xác định cụ thể, có ranh giới rõ ràng.

Sở hữu cá nhân về tài sản của các thành viên buôn làng được luật tục bảo vệ. Mọi hành vi trộm cắp đều bị phạt rất nặng.

Về khai thác tài nguyên thiên nhiên, một số sản vật tự nhiên vốn nằm trong khu sinh tồn của buôn làng, trong một số trường hợp nhất định có thể được quyền "khai thác tượng trưng" và thuộc về khai thác cá thể.

Em có biết

Khai thác tượng trưng là trong trường hợp một thành viên công xã vào rừng phát hiện thấy một cây có tổ chim, hoặc tổ ong mật, hoặc có quả ăn được, để thông báo và khẳng định quyền sở hữu của mình, người đó có thể làm động tác "khai thác tượng trưng" bằng cách tạo ra ở gốc cây đó một trong những dấu hiệu quy định của cộng đồng như lấy dây rừng buộc vòng quanh gốc cây, hoặc khắc vào thân cây một hình tam giác, xếp đá quanh gốc cây,…

– Trình bày các hoạt động kinh tế của đồng bào các dân tộc Đắk Lắk (XV – XIX).

– Nêu và nhận xét về các hình thức sở hữu của đồng bào các dân tộc Đắk Lắk (XV – XIX).

LUYỆN TẬP

Nêu các ví dụ về hình thức sở hữu của đồng bào các dân tộc Đắk Lắk (XV – XIX).

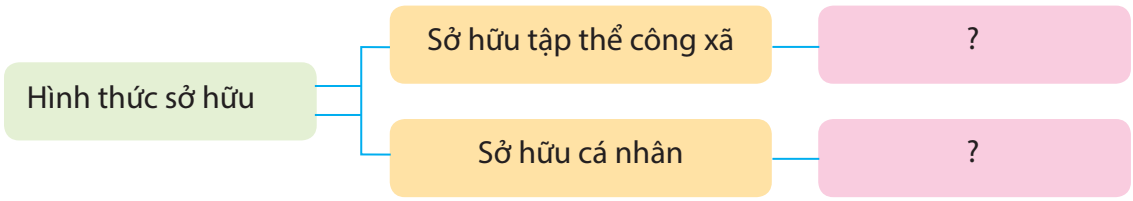

VẬN DỤNG

Tìm hiểu thông tin và sưu tầm ảnh về các bộ chiêng, ché quý của đồng bào các dân tộc Đắk Lắk theo các thông tin sau:

– Người sở hữu bộ chiêng, ché quý;

– Nguồn gốc của bộ chiêng, ché;

– Hiện nay chiêng, ché được sử dụng làm gì?

Bài 2

ĐẮK LẮK NỬA SAU THẾ KỈ XIX ĐẾN NĂM 1930

Học xong bài này, em sẽ:

- Nêu và nhận xét được tình hình chính trị, xã hội, kinh tế của vùng đất Đắc Lắk từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu năm 1930.
- Trình bày được một số cuộc khởi nghĩa chống thực dân Pháp tiêu biểu ở Đắc Lắk từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu năm 1930.

MỞ ĐẦU

Hình 2.1.

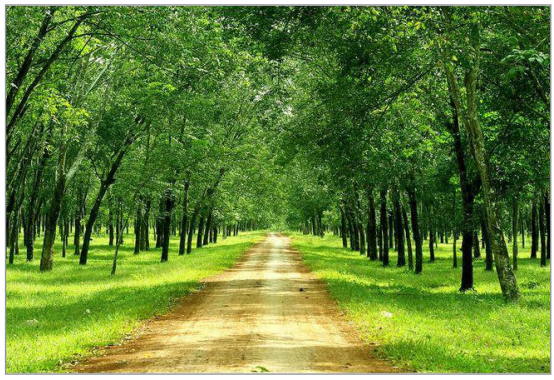

Hình 2.2.

Quan sát các hình 2.1 và 2.2, em hãy cho biết tên các loại cây trồng xuất hiện trong hình và nêu sự liên quan giữa các cây trồng này với việc thực dân Pháp tiến hành khai thác thuộc địa ở Đắk Lắk đầu thế kỉ XX.

KIẾN THỨC MỚI

I. TÌNH HÌNH CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, VĂN HOÁ CỦA ĐẮK LẮK TỪ NỬA SAU THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU NĂM 1930

Ngày 1 – 9 – 1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược Đà Nẵng. Với chủ trương lấn dần từng bước, kết hợp dùng vũ lực với những thủ đoạn chính trị, thực dân Pháp đã buộc triều Nguyễn kí các Hiệp ước năm 1883 và năm 1884, từng bước thừa nhận sự thống trị của thực dân Pháp trên toàn lãnh thổ nước ta.

Năm 1894, sau khi bình định xong vùng đồng bằng, thực dân Pháp đưa quân lên xâm chiếm Đắk Lắk. Ngày 16 – 10 – 1898, Bu-lốc (Boulloche – Khâm sứ Trung Kì) buộc triều đình Huế đặt vùng Tây Nguyên dưới sự đặc trách của người Pháp. Năm 1899, người Pháp từ Campuchia tiến sang chiếm Buôn Đôn, đưa quân đàn áp đồng bào người Êđê Kpă, khống chế dân trong vùng, lập ra hạt đại lí tại Buôn Đôn để làm thí điểm, từ đó mở rộng chiến tranh đánh chiếm toàn bộ cao nguyên Đắk Lắk.

Ngày 22 – 11 – 1904, theo đề nghị của Hội đồng tối cao Đông Dương, toàn quyền Đông Dương ban hành Nghị định thành lập Đại lí hành chính Đắk Lắk, thuộc quyền giám sát và quản trị của Khâm sứ Trung Kì và Buôn Ma Thuột được chọn làm cơ quan hành chính của tỉnh Đắk Lắk thay cho Bản Đôn.

Thực dân Pháp ban bố những luật lệ ngăn cách quan hệ giữa người Kinh với người dân tộc ít người, kích động chủ nghĩa bài Kinh, thực hiện chiêu bài "đất Thượng của người Thượng", cấm sự giao lưu giữa Đắk Lắk với vùng đồng bằng.

Về văn hoá – xã hội, dưới chiêu bài "không đụng chạm", Pháp chủ trương ngăn chặn mọi ảnh hưởng từ bên ngoài vào để kìm hãm các dân tộc ở Đắk Lắk trong vòng tối tăm, lạc hậu. Mặt khác, để phục vụ cho mục đích cai trị, Giám mục Antomachi đã cùng các thầy giáo người Êđê xây dựng bộ chữ theo cách La-tinh hoá. Thực dân Pháp còn mở trường đào tạo tay sai, mở bệnh viện phục vụ cho bọn thống trị, xây dựng hệ thống đường sá để vận chuyển tài nguyên, của cải chúng vơ vét được và đối phó với các cuộc nổi dậy của đồng bào các dân tộc.

Về kinh tế, thực dân Pháp tiến hành cướp đất đai, nương rẫy làm đồn điền trồng cây công nghiệp.

Hình 2.3. Đồn điền CADA

Người dân Đắk Lắk bị bần cùng, phải đi tới những nơi hoang vu sinh sống hoặc phải làm thuê cho các đồn điền. Ngoài ra, thực dân Pháp còn lập sổ đinh từng buôn, bắt người dân nộp thuế, đi xâu, khai khẩn đất hoang cho chúng, thi hành những chính sách cai trị, bóc lột tàn bạo. Đây là những nguyên nhân trực tiếp khiến đồng bào các dân tộc ở Đắk Lắk cùng với cả nước vùng lên chống thực dân Pháp xâm lược.

– Trình bày chính sách cai trị của Pháp ở Đắk Lắk.

– Nhận xét về đời sống của đồng bào các dân tộc ở Đắk Lắk.

II. MỘT SỐ CUỘC KHỞI NGHĨA CHỐNG THỰC DÂN PHÁP TIÊU BIỂU Ở ĐẮK LẮK TỪ NỬA SAU THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU NĂM 1930

Với truyền thống yêu nước, tinh thần thượng võ, ý thức cộng đồng nhằm bảo vệ buôn làng, giành độc lập cho quê hương, đất nước, đồng bào các dân tộc ở Đắk Lắk đã liên tục đứng lên đấu tranh quyết liệt với thực dân Pháp.

Mở đầu cho phong trào chống thực dân Pháp xâm lược là cuộc khởi nghĩa của N'Trang Gưh (1887 – 1913).

Năm 1899, sau khi chiếm được Buôn Đôn, Buốc-gioa (Bourgeois – Công sứ tỉnh Đắk Lắk) đưa quân đi đánh người Êđê Kpă. Tháng 3 – 1900, Buốc-gioa đưa quân đánh người Êđê Bih ở hạ lưu sông Krông Ana và Krông Nô, bị nghĩa quân N'Trang Gưh (người Bih) đánh đuổi, phải rút chạy. Năm 1904, nghĩa quân tấn công đồn Buôn Tuôr rồi thừa thắng tấn công một loạt các đồn khác ngay trong vùng kiểm soát của địch. Trong thời gian này, vùng hạ lưu sông Krông Ana là khu vực bất khả xâm phạm của người Êđê Bih. Năm 1914, do trong hàng ngũ nghĩa quân có người phản bội, địa điểm đóng quân của N'Trang Gưh bị tiết lộ nên ông bị thực dân Pháp bắt và giết hại.

Tiếp đó là cuộc khởi nghĩa của Ama Jhao (1889 – 1905). Ông tên thật là Y Yên, sinh năm 1840 tại buôn Tung (có tài liệu cho là buôn Kô Tam), cách thành phố Buôn Ma Thuột khoảng 16 km về phía đông bắc.

Năm 1889, thực Pháp bắt dân đi phu làm đường và mở đồn điền. Ama Jhao đã tập hợp lực lượng chống lại Pháp gây cho chúng rất nhiều khó khăn. Tháng 1 – 1904, Pháp huy động lính từ Huế vào và từ Campuchia sang đàn áp. Ama Jhao bị bắt và mất trong tù (tháng 3 – 1905).

Cuộc khởi nghĩa lớn nhất chống lại ách thống trị của thực dân Pháp ở Đắk Lắk trong những năm đầu thế kỉ XX là cuộc khởi nghĩa N'Trang Lơng. Cuộc khởi nghĩa này bùng nổ từ năm 1912 kéo dài tới năm 1935, tiêu biểu cho tinh thần bất khuất chống ngoại xâm của các dân tộc trong tỉnh nói riêng và của Tây Nguyên nói chung.

N'Trang Lơng sinh năm 1870, là tù trưởng của bộ lạc Biệt sống ở Bu N'Trang, một làng Mnông thuộc khu vực Đắk Rtih ở phía bắc cao nguyên Mnông và Xtiêng (nay thuộc huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông). Dưới sự chỉ đạo của N'Trang Lơng, nghĩa quân đã làm chủ được cao nguyên Mnông, tiêu diệt hàng chục đồn bốt của giặc, diệt hàng trăm tên thực dân, trong đó có những tên gian ác khét tiếng như Hen-ri Mai-tre (Henri Maitre). Giữa tháng 6 – 1935, trong một trận đánh ác liệt, N'Trang Lơng bị bắt cùng nhiều thủ lĩnh khác. Ông bị Pháp giết hại vào ngày 25 – 6 – 1935 (có một số tài liệu ghi 23 – 5 – 1935).

Từ năm 1901 đến năm 1922, phong trào đấu tranh vũ trang chống thực dân Pháp xâm lược do các tù trưởng Ôi H'Mai, Ôi H'Phai và MaDla lãnh đạo ở quanh khu vực sông Krông Năng (huyện M'Drắk) gây cho Pháp nhiều thiệt hại nặng nề.

Bên cạnh các cuộc đấu tranh vũ trang nhân dân Đắk Lắk còn tham gia đấu tranh chính trị do những trí thức người dân tộc lãnh đạo. Đó là phong trào đấu tranh chính trị của thầy giáo Y Jút và Y Út. Đầu tháng 10 – 1925, hai ông tổ chức đấu tranh công khai và tập hợp được đông đảo học sinh cùng giáo viên trường Pháp – Êđê (trường Fran co – Radeh Buôn Ma Thuột) tham gia biểu tình phản đối công sứ Xa-ba-chiê (Sabatier), gửi thư tố cáo tội ác của ông ta đi khắp nơi. Chính phủ Pháp phải buộc Sabatier rời khỏi Đắk Lắk. Dưới sự dạy dỗ chỉ bảo của Y Jút, nhiều học trò của ông như Y Wang Mlô, Y Bih Aleo, Y Ngông Niê kdam, Y Blô đã trở thành những thủ lĩnh phong trào cách mạng của đồng bào các dân tộc Đắk Lắk sau này.

Như vậy, ngay từ buổi đầu thực dân Pháp đặt chân đến Đắk Lắk, chúng đã vấp phải sự kháng cự mạnh mẽ, quyết liệt của đồng bào các dân tộc. Nhân dân Đắk Lắk đã nêu cao tấm gương bất khuất, kiên cường và lòng dũng cảm, sự hi sinh to lớn cho độc lập tự do của Tổ quốc.

– Nêu nhận xét về một số cuộc khởi nghĩa chống thực dân Pháp tiêu biểu ở Đắk Lắk từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu năm 1930.

LUYỆN TẬP

1. *Em hãy giới thiệu về ngày thành lập tỉnh Đắk Lắk.*

2. *Lập sơ đồ tư duy về chính sách cai trị của Pháp ở Đắk Lắk theo gợi ý sau:*

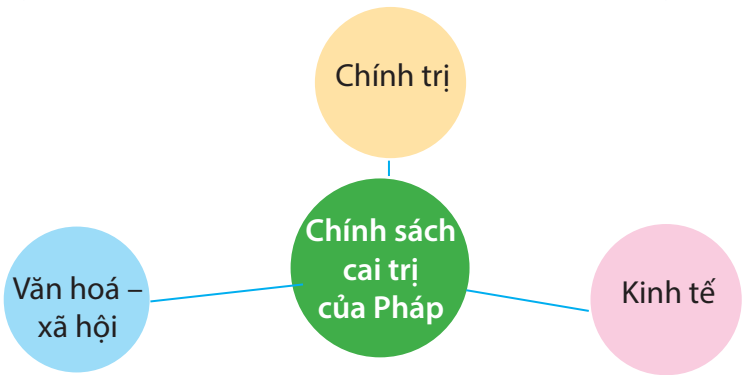

3. *Hoàn thành bảng thông tin về một số cuộc khởi nghĩa chống thực dân Pháp tiêu biểu ở Đắk Lắk từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu năm 1930.*

Stt	Tên thủ lĩnh	Thời gian	Địa điểm	Kết quả
1	?	?	?	?
2	?	?	?	?
...	?	?	?	?

VẬN DỤNG

1. *Hoàn thành bảng sau:*

Stt	Tên nhân vật yêu nước được đặt cho công trình công cộng tại địa phương	Địa chỉ
1	?	?
2	?	?
...	?	?

2. *Hoàn thành thẻ nhớ về một nhân vật tiêu biểu trong phong trào đấu tranh vũ trang chống Pháp của đồng bào các dân tộc Đắk Lắk từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu năm 1930 theo gợi ý sau:*

- Tên nhân vật:.....
- Tiểu sử: (Năm sinh – năm mất, xuất thân,…):

.....

- Vai trò, đóng góp trong phong trào chống Pháp:

.....

- Điều em học tập được từ nhân vật:

.....

TÌM HIỂU THÊM

AMA JHAO – ANH HÙNG BUÔN MA THUỘT

Nhận thấy được tầm ảnh hưởng to lớn của Ama Jhao, hết Bourgeois (công sứ đầu tiên của tỉnh Darlac), Yersin (người phát hiện ra cao nguyên Lang Biang năm 1893),… đã tìm mọi cách lôi kéo ông về phía Pháp. Khâm sứ tại Lào là Tournier đến hăm doạ: "Ông rất dễ dàng nhận ra là ông thuộc quyền cai trị của ai. Nếu ông uống nước chảy xuôi phía Biển Đông là thuộc quyền của ông lớn người Pháp như tôi bên kia Trường Sơn. Còn nếu ông uống nước chảy về phía tây thì thuộc quyền cai trị của tôi". Ama Jhao đã bình tĩnh trả lời rằng: "Tôi biết rõ là các ông muốn gì. Nhưng tôi chỉ uống nước ao". Những cố gắng kiểu đó của Pháp đã không có hiệu quả, còn về phần mình, Ama Jhao không thể duy trì tình trạng hoà bình được lâu trước dã tâm ngày càng bộc lộ rõ của thực dân Pháp, ông đã chuẩn bị cho khởi nghĩa.

Năm 1889, thực hiện ý đồ xây dựng một con đường nối liền Buôn Ma Thuột với Ninh Hoà (tỉnh Khánh Hoà) (trước là quốc lộ 12, nay là quốc lộ 26, dài 130 km), nhà cầm quyền thực dân đã cho thi hành nhiều biện pháp cưỡng chế buộc các bộ tộc Êđê Kpă vùng Krông Păk phải di dời làng. Công trình của thực dân đã đụng chạm đến những vùng đất, những khu rừng, khe suối thiêng liêng của người dân, cùng với những biện pháp mất lòng khác, đã gây nên nỗi bất bình sâu sắc trong lòng Ama Jhao và dân làng. Ông nói: "Đất là lưng ông bà ta, rừng cây, khe suối là của ông bà ta, sao ta lại chịu bỏ nhà, bỏ buôn đi làm đường cho bọn Ó trắng để chúng giẫm lên lưng ông bà ta, phá phách rừng núi của ông bà ta". Năm 1890, Ama Jhao tổ chức mai phục một toán quân Pháp trên đường từ Củng Sơn (huyện Sơn Hoà, tỉnh Phú Yên) tiến lên chiếm Buôn Ma Thuột. Tại Ea Yông, toán quân này đã bị các nghĩa quân Ama Jhao chặn đánh dữ dội. Ông tuyên bố: "Đây là đất của người Rađê, sào huyệt của Ama Jhao, không một ai có quyền đặt chân đến, nếu không có sự mời đón của tù trưởng; các ông phải lui quân, nếu không tức khắc sẽ bị tiêu diệt". Bất lực và sợ hãi, toán quân Pháp rủ nhau rút chạy.

Năm 1901, Ama Jhao dẫn đầu một đoàn các tù trưởng, già làng kéo xuống Phú Yên phản đối việc mở đường, tự tiện sáp nhập đất đai của người Êđê vào Lào. Sự kiện này làm cho tên Công sứ Phú Yên lúng túng, hứa hẹn hàm hồ cho qua. Những cam kết của người Pháp tỏ ra không đảm bảo, trong khi đó, các cánh quân của họ cũng rục rịch hành động, do vậy, Ama Jhao nhận thấy cần phải tăng cường liên kết với các tù trưởng khác, như Ama Gơm, Ama Hap do Ma Dak, Ama Jak chỉ huy, đồng thời hưởng ứng các cuộc kháng chiến khác đang nổi lên lúc đó của N'Trang Gưh, Ôi H'Mai và MaDla,… tạo thành mạng lưới chống đối rộng khắp cao nguyên Êđê, gây cho giặc Pháp rất nhiều khó khăn. Năm 1903, Ama Jhao tổ chức phục kích một toán lính Pháp ở km 42 đường 21, tiêu diệt hai tên và thu 2 xe bò chở muối. Pháp ra lệnh bao vây khu vực buôn Ea Yông; đồng thời phái một tiểu đoàn bộ binh thuộc phân khu Huế cùng lực lượng bảo an M'Drắk tạo thành mũi bao vây thứ nhất, một tiểu đoàn khác cùng lực lượng bảo an Buôn Ma Thuột tạo thành mũi bao vây thứ hai tấn công khu vực hoạt động của nghĩa quân. Ama Jhao rút sang vùng núi Cư Kuinh, dự tính tiếp tục kéo dài cuộc kháng chiến. Thực dân Pháp treo thưởng cho bất cứ ai giết hoặc chỉ điểm Ama Jhao. Tháng 1 – 1905, nhờ có tin mật báo, quân Pháp vây và bắt ông. Chúng tra tấn ông tàn khốc, Ama Jhao dũng cảm mắng giặc rằng: "Dùng hèn kế để bắt ta sao gọi là thắng ta được, điều ấy đâu có gì đáng vẻ vang cho các ngươi. Cứ trả ta về lại núi rừng xem ai thắng ai!". Ama Jhao hi sinh vào tháng 3 – 1905.

(Tỉnh uỷ – HĐND tỉnh Đắk Lắk, *Địa chí Đắk Lắk*,
Nxb Khoa học xã hội, 2015, tr.251-252)

Bài 3 MỘT SỐ LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG Ở ĐẮK LẮK

Học xong bài này, em sẽ:

- Kể tên được một số lễ hội ở Đắk Lắk.
- Trình bày được những đặc điểm cơ bản của một số lễ hội ở Đắk Lắk.
- Nêu được ý nghĩa của lễ hội truyền thống trong đời sống tinh thần của người dân ở Đắk Lắk.
- Có thái độ tôn trọng, có hành động giữ gìn, bảo tồn và phát huy giá trị, đặc trưng của các lễ hội.

MỞ ĐẦU

Kể tên một lễ hội em đã được tham dự và nêu cảm nhận của em khi tham dự lễ hội đó.

KIẾN THỨC MỚI

I. KHÁI QUÁT VỀ LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG Ở ĐẮK LẮK

Đắk Lắk là vùng đất giàu bản sắc văn hoá dân tộc, được biểu hiện đậm nét qua kho tàng văn hoá nghệ thuật dân gian, tín ngưỡng, lễ hội, kiến trúc, luật tục,… Trong đó, lễ hội đóng vai trò quan trọng, trở thành nhu cầu không thể thiếu trong đời sống của người dân nơi đây. Lễ hội là dịp để người dân cầu mong thần linh phù hộ những điều tốt đẹp cho cuộc sống của mỗi người, mỗi gia đình và cả cộng đồng như sức khoẻ, có mùa màng bội thu, bình an,... Bên cạnh những yếu tố mang ý nghĩa tâm linh, lễ hội còn là thời điểm để người dân biểu dương sức mạnh, tính cố kết cộng đồng, là dịp để người dân hướng về nguồn cội. Ngoài ra, trong mỗi dịp lễ hội, người dân thể hiện sự sáng tạo qua các điệu múa, âm nhạc của cồng chiêng, trống, kể khan, các trò chơi dân gian.

Mỗi dân tộc ở Đắk Lắk có nhiều lễ hội đặc sắc. Người Êđê có hệ thống các lễ hội theo vòng đời và lịch sản xuất nông nghiệp như: cúng bến nước, bỏ mả, ăn cơm mới,... Gần giống với người Êđê, người Mnông theo phong tục, cứ sau một mùa rẫy là các bon làng lại tổ chức các nghi lễ, lễ hội, nhằm tạ ơn các vị thần linh, trời đất, tạ ơn tổ tiên ông bà đã phù hộ cho mọi người lúa thóc đầy bồ, heo bò đầy sân, chật bãi. Ngày nay, bên cạnh các lễ hội truyền thống của dân tộc tại chỗ, ở Đắk Lắk còn có lễ hội của các dân tộc anh em khác như

lễ hội Lồng tồng (lễ hội xuống đồng) của người Tày, Nùng nhằm cầu mong mưa thuận gió hoà, mùa màng tươi tốt, vật nuôi sinh sôi nảy nở, mọi người khoẻ mạnh, nhà nhà ấm no, hạnh phúc; lễ hội lúa mới của người Thái cảm tạ trời đất, ông bà tổ tiên đã cho một mùa màng bội thu, lúa đầy đồng, cây trái xanh tươi và cầu mong năm tới người người sức khoẻ, xóm làng yên vui, mưa thuận gió hoà, được mùa.

Có thể nói, lễ hội của đồng bào các dân tộc thiểu số vừa mang ý nghĩa nhân văn vừa là sự tiếp nối những nét đẹp văn hoá. Việc duy trì và phục dựng nhiều lễ hội văn hoá đặc sắc, tiêu biểu góp phần bảo tồn, phát triển những nét đẹp văn hoá của các dân tộc.

– Kể tên lễ hội của một số dân tộc ở Đắk Lắk.

– Nêu ý nghĩa của lễ hội trong đời sống người dân Đắk Lắk.

II. MỘT SỐ LỄ HỘI TIÊU BIỂU Ở ĐẮK LẮK

1. Lễ cúng bến nước

Lễ cúng bến nước của người Êđê được thực hiện hàng năm vào dịp đầu năm mới. Người ta cúng bến nước để tạ ơn và mong thần nước ban cho dòng nước trong lành. Vào dịp này, dân làng dọn bến nước rất sạch sẽ. Đây là công việc của tất cả mọi người trong buôn. Thầy cúng và người dân làm lễ cúng ở nhà chủ bến nước, ở cây to khoảng giữa đường xuống bến và ngay tại bến nước. Trong thời gian làm lễ cúng bến nước, mọi hoạt động như làm rẫy, săn bắt, hái lượm đều phải ngưng lại. Trong dịp này, mọi người quây quần để trò chuyện, ca hát, trao đổi tâm tình.

Hình 3.1. Lễ cúng bến nước

2. Lễ cúng lúa mới

Khi lúa trên rẫy bắt đầu chín, trước khi thu hoạch, người Mnông tổ chức lễ cúng lúa mới. Lễ cúng lúa mới nhằm tôn vinh hạt thóc của thần linh (Yang) ban cho dân làng và cầu cho mưa thuận, gió hoà, mùa màng bội thu và gia đình sung túc.

Lễ cúng lúa mới gồm có hai nghi lễ là lễ rước hồn lúa và lễ cúng lúa mới. Trong lễ rước hồn lúa: thầy cúng và chủ nhà cúng tại rẫy với 1 con gà và 1 ché rượu cần. Sau đó giăng dây, bắc cầu (nếu qua suối), mang theo một túm lúa và ống nứa, đưa hồn lúa về nhà. Mọi người ở lại gặt lúa mang về đổ vào kho. Trong lễ cúng lúa mới, lễ vật gồm: túm lúa và ống đựng hồn lúa, đầu heo, bầu rượu, trầu cau, cơm mới, thịt heo đầy đủ các bộ phận. Chủ nhà lấy rượu pha với tiết gà bôi lên dao, xà gạc, rìu,... với ý nghĩa trả công cho chúng đã khó nhọc cùng gia đình làm ra lúa gạo. Sau đó lại lấy rượu này phết vào đá bếp, cửa ra vào, bàn thờ kho lúa,… mời các vị thần và tổ tiên về ăn cơm gạo mới, mong các thần bảo vệ, phù hộ cho con cháu luôn được bình an, no đủ. Cúng xong, gia chủ và thầy cúng cùng uống rượu cần, ăn miếng cơm thịt đầu tiên. Sau đó, mời gia đình và cộng đồng ăn chung bữa cơm mừng lúa mới.

Hình 3.2. Lễ cúng lúa mới

3. Lễ hội văn hoá cồng chiêng

Lễ hội văn hoá cồng chiêng là hoạt động văn hoá quan trọng hàng đầu của đồng bào Tây Nguyên nói chung và của Đắk Lắk nói riêng. Lễ hội văn hoá cồng chiêng được tổ chức nhằm quảng bá không gian văn hoá cồng chiêng Tây Nguyên – Kiệt tác văn hoá phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại và giúp gìn giữ, bảo vệ nét văn hoá truyền thống tốt đẹp.

Hình 3.3. Lễ hội văn hoá cồng chiêng

Đồng bào các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên thường dùng riêng một loại chiêng núm (như Ching Joh của người Êđê) hoặc chiêng bằng (như Chưng Bor của người Mnông); khi dùng kết hợp với nhau, chiêng núm làm bè trầm, chiêng bằng đánh giai điệu (ching Knah của Êđê). Khi biểu diễn vòng tròn, các nghệ nhân đánh và di chuyển dàn cồng chiêng đi từ tây sang đông (ngược chiều kim đồng hồ) đón các vị thần linh và tổ tiên về dự lễ.

Trong lễ hội, các nghệ nhân diễn tấu các bài chiêng trong không gian văn hoá cồng chiêng của dân tộc. Cồng chiêng được người Tây Nguyên quan niệm như là phương tiện để con người kết nối với thần linh và giao tiếp với cả cộng đồng.

4. Hội đua voi

Hội đua voi ở Đắk Lắk thường được tổ chức hai năm một lần (thường vào dịp tháng 3 âm lịch) tại huyện Buôn Đôn, Đắk Lắk – nơi được mệnh danh là thủ phủ của loài voi. Đây là dịp để quy tụ, tôn vinh trí tuệ, sức mạnh, sự khéo léo trong cách thuần dưỡng voi của người Mnông.

Hình 3.4. Hội Đua voi

Tham gia thi đấu lễ hội đua voi là những chú voi khoẻ mạnh, có sức dẻo dai và thông minh. Mỗi mùa lễ hội thường có khoảng 20 – 30 chú voi được tham gia thi đấu, vì vậy công tác chăm sóc, chuẩn bị của những người huấn luyện cần cẩn thận và mất nhiều thời gian. Gần ngày thi đấu, voi sẽ được nghỉ ngơi, tắm rửa, cho ăn những loại cỏ xanh tươi hoặc mía ngọt, huấn luyện một số bài để tham gia các hoạt động trong lễ hội.

Địa điểm được chọn làm nơi tổ chức ngày hội đua voi ở Đắk Lắk phải là một bãi đất trống bằng phẳng có chiều dài từ 400 – 500 m, chiều rộng khoảng vài chục mét. Lần lượt mỗi lần đua từ 3 – 5 voi xếp hàng ngang. Trên lưng mỗi chú voi có 2 nài voi, mặc đồ truyền thống của dân tộc có nhiệm vụ điều khiển voi tham gia các hoạt động của lễ hội. Sau hiệu lệnh là một hồi tù và ngân lên, người điều khiển thúc voi tiến lên phía trước đồng thời tăng tốc thật nhanh để về đích sớm. Tiếng voi chạy rầm rập hoà cùng tiếng hò reo cổ vũ của khán giả tạo nên một không khí hân hoan, náo nhiệt cả một vùng trời.

Hội Đua voi ở Đắk Lắk được tổ chức nhằm tôn vinh tinh thần thượng võ và tài nghệ thuần dưỡng voi của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên.

(Theo *Địa chí Đắk Lắk*, NXB Khoa học xã hội, 2015)

– *Trình bày hiểu biết về Lễ cúng bến nước, Lễ cúng lúa mới, Hội Đua voi theo gợi ý sau: Lễ hội của dân tộc nào? Lễ hội được tổ chức khi nào? Các hoạt động chính trong lễ hội là gì?*

– *Nêu đặc trưng của lễ hội cồng chiêng.*

LUYỆN TẬP

1. *Tìm hiểu thêm một số lễ hội ở địa phương theo gợi ý sau:*

Stt	Tên lễ hội	Dân tộc	Thời gian tổ chức	Các hoạt động chính
?	?	?	?	?

2. *Giới thiệu về một lễ hội em đã tìm hiểu.*

3. *Chia sẻ những việc nên làm khi tham gia lễ hội.*

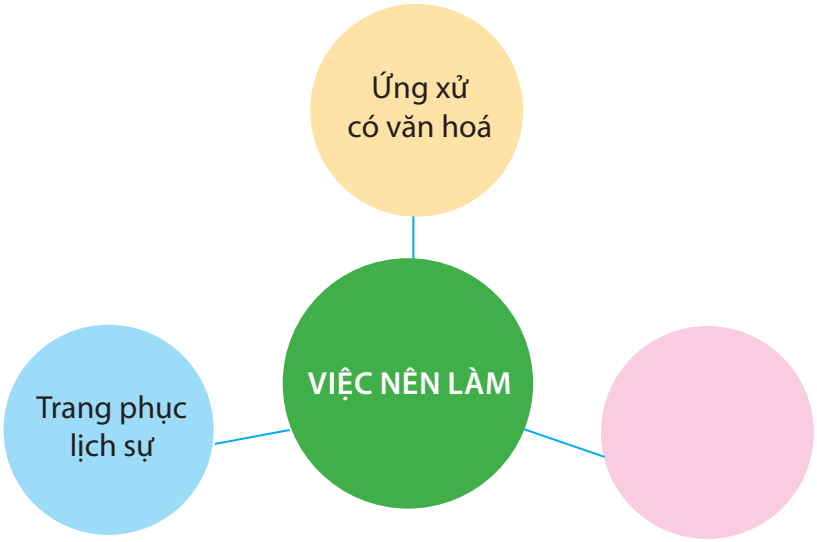

4. *Đề xuất những việc nên làm để bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá lễ hội tại địa phương.*

5. *Viết một đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về một lễ hội ở địa phương.*

VẬN DỤNG

Làm tờ rơi giới thiệu về một lễ hội ở Đắk Lắk.

Gợi ý: Các bước thực hiện:

– Bước 1: Chọn một lễ hội

– Bước 2: Lên ý tưởng

– Bước 3: Tìm kiếm thông tin, hình ảnh

– Bước 4: Thực hiện làm tờ rơi

TÌM HIỂU THÊM

LỄ TRƯỞNG THÀNH

Để chuẩn bị bước vào giai đoạn trưởng thành của cuộc đời, người Mnông thường tổ chức lễ cho con trai khi đủ 15, 16 tuổi.

Mở đầu buổi lễ, bố mẹ chàng trai chuẩn bị một ché rượu rlung (rượu đựng trong một loại ché quý của người Mnông), một con heo thiến màu trắng. Con heo được cạo lông, mổ bụng đặt bên ché rượu. Tim gan, phổi cật con heo được luộc chín, xắt thành miếng, bỏ lên đĩa. Gia đình mời già làng cao tuổi nhất trong bon làng đến làm lễ cho con mình. Người được làm lễ mặc bộ trang phục trang trọng nhất của một người đàn ông Mnông: khố dệt hoa văn thêu, choàng chăn mới, đầu chít khăn mới, tay đeo vòng, ngồi trên sạp.

Già làng bưng một bát gạo trắng, trên có cắm một ngọn nến có quấn sợi chỉ màu, một đoạn dây mây có cả cành lá, một con gà trống vừa biết gáy đưa vòng từ phải sang trái 7 lần trên đầu người được làm lễ, vừa đưa đi đưa lại vừa đếm từ một đến bảy. Đếm xong, già làng khấn cầu, xin linh hồn ông bà, tổ tiên, các vị thần linh phù hộ cho con cháu mới trưởng thành sẽ trở thành người tốt, gặp nhiều may mắn, làm ăn phát đạt, được mọi người yêu mến, sau này lập gia đình biết làm ăn nuôi vợ con no đủ, gia đình hạnh phúc, con cái khoẻ mạnh,…

Khấn thần linh xong, già làng cắm trên mỗi tai của ché rượu một ngọn đèn cầy đang cháy và bỏ lên đó một ít cơm, một ít tim gan, một ít thịt của con vật hiến sinh. Người được làm lễ ngồi trước ché rượu, hai tay cầm cần rượu. Già làng ngồi đối diện người được làm lễ, cầu khấn thần linh, tổ tiên phù hộ, giúp đỡ con cháu mọi điều kiện thuận lợi, sức hoẻ dồi dào, làm ăn phát đạt, làm rẫy thu được nhiều ngô lúa,… Sau khi thực hiện nghi thức, già làng cao tuổi nhất xúc một thìa cơm đầu nồi, cùng với tim gan, phổi, cật của con heo hiến sinh bón cho người được làm lễ. Người được làm lễ lại lấy cơm cùng tim gan của con vật hiến sinh bón đáp lại cho già làng. Thực hiện xong nghi thức bón cơm, già làng cầm một ống rượu được hút từ trong ché rượu cúng ra, đưa cho người được làm lễ. Người này uống xong, lần lượt mọi người từ già làng cao tuổi nhất uống trước, tiếp đó đến cha mẹ, anh chị em, các già làng khác và bà con của người được làm lễ. Sau đó người được làm lễ lấy một nhúm gạo ném vào ngọn lửa trong bếp, hứa với các thần linh rằng, nếu sau này lớn lên, được khoẻ mạnh, sẽ làm một lễ cúng thần linh, tổ tiên với lễ vật là một con trâu. Mọi người vừa uống rượu, vừa nói chuyện về việc dạy dỗ con cái. Các già làng kể lại những kinh nghiệm trong cuộc đời mình, nói điều hay lẽ phải, phê phán điều xấu, điều dở, điều trái,… con cháu trong bon làng say sưa ngồi nghe.

Có thể nói, lễ trưởng thành (*văt bôk n'hao săk*) là một sinh hoạt truyền thống của người Mnông có tính giáo dục rất cao giúp cho con người phấn đấu trở thành người tốt, có ích cho xã hội, cộng đồng.

(Lược trích theo: Trương Bi (Chủ biên), *Nghi lễ cổ truyền của người Mnông*, NXB Văn hoá dân tộc, Hà Nội, 2006)

Bài 4

MỘT SỐ LÀN ĐIỆU DÂN CA Ở ĐẮK LẮK

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được những đặc điểm cơ bản của làn điệu dân ca ở Đắk Lắk.
- Nêu được giá trị của dân ca trong đời sống tinh thần của các dân tộc thiểu số ở Đắk Lắk.
- Tôn trọng, thực hiện được hành vi, việc làm phù hợp để góp phần giữ gìn, bảo tồn và phát huy làn điệu dân ca ở Đắk Lắk.

MỞ ĐẦU

Kể tên làn điệu dân ca ở Đắk Lắk và chia sẻ hiểu biết của em về làn điệu dân ca đó.

KIẾN THỨC MỚI

I. KHÁI QUÁT VỀ DÂN CA Ở ĐẮK LẮK

Dân ca là hình thức diễn xướng nghệ thuật dân gian khá phổ biến trong đời sống âm nhạc từ xưa cho đến nay ở Tây Nguyên nói chung và ở Đắk Lắk nói riêng. Mỗi dân tộc có những làn điệu dân ca khác nhau chẳng hạn như dân ca Êđê có hát *kưt* (*hát nói*), hát *ei rei* (*hát đối đáp*); dân ca Mnông có hát *ngơi bra* (*hát khấn thần*), hát *keo keo* (*hát giao duyên*); dân ca Jrai có hát ru, hát đồng dao, hát giao duyên; dân ca Xơ Đăng có hát ru, hát đối đáp,… Có thể chia dân ca ở Đắk Lắk ra làm hai thể loại chính: hát nói và hát có nhịp điệu.

Hát nói là hình thức sinh hoạt khá phổ biến, cả trong hát – kể trường ca, sử thi, gia phả của người Êđê và Mnông. Các hình thức hát nói của người Êđê có hát – kể (*kưt*), hát khóc (*čok*), khấn thần (*rieo yang*),…; của người Mnông có hát kể (*tăm pớt*), khấn thần (*ngơi brah*), kể gia phả (*kuăč jao*)".

Hát có nhịp điệu là những lời trao đổi, bày tỏ ý kiến của mình, giai điệu đơn giản, lặp đi lặp lại và lời hát ngẫu hứng. Người Êđê có hát có giai điệu (*muinh*), hát đối đáp (*ei rei*); người Mnông có hát giao duyên (*keo keo*), hát đối đáp (*ngơi lơi, yun yớ*), hát đố (*tăm hôr)*. Những bài dân ca có nhịp điệu thường được đệm bằng các loại đàn *ting ning, t'rưng, đing năm* rộn ràng.

Đặc điểm dân ca các dân tộc ở Đắk Lắk chủ yếu là diễn xướng theo từng chủ đề, kết hợp nói với hát có nhịp điệu theo lối văn vần. Mỗi lối hát có một đặc điểm chung về làn điệu, về cấu trúc âm nhạc nhưng khi diễn xướng người hát có thể sáng tạo tại chỗ và theo cảm hứng với không gian, hoàn cảnh cụ thể.

II. MỘT SỐ LÀN ĐIỆU DÂN CA Ở ĐẮK LẮK

Hát *kưt* (*hát nói*) là làn điệu dân ca phổ biến của người Êđê. Đây là làn điệu mang tính trữ tình, tự sự, lời ca thường sử dụng lời nói vần. Nhạc cụ đi kèm là sáo *đing buôt*. Người hát *kưt* thường là nam giới ở độ tuổi trung niên và cao tuổi, đặc biệt là các già làng. Nội dung của hát *kưt* là ca ngợi vẻ đẹp của quê hương, buôn làng; chúc mừng chủ nhà, gia tộc trong một số lễ cúng theo vòng đời, *m'buh trôk kông* (trưởng thành), *đi dôk sang m' râo* (mừng nhà mới); khuyên bảo con cháu; tiễn người thân trước khi đi xa; ca ngợi vẻ đẹp của phụ nữ, tự sự,…

Hình 4.1. Nghệ nhân thổi *đing năm*

Hát *kưt* có thể hát đơn hoặc hát đối đáp. Một người hát một người phụ họa bằng sáo *đing buôt* hoặc nghệ nhân có thể tự đệm sáo khi hát. Với hình thức diễn tấu đan xen, hát xong một vài câu lại thổi một đoạn. Gần đây phổ biến hình thức một người hát, một người thổi sáo đệm theo. Điều này làm cho người hát đỡ mệt và làm cho diễn tấu hay hơn.

Hát *ei rei* (có khi viết là *ai rei* – hát đối đáp) là lối hát dân ca mang tính đối đáp nam – nữ của người Êđê. Theo phong tục truyền thống, hát *ei rei* thường được diễn xướng trong tang lễ. Ca từ trong hát *ei rei* cũng thường sử dụng lời nói vần, có nhiều từ cổ xưa. Ngày nay, hát *ei rei* có thể được sử dụng trong dịp sinh hoạt ngoài trời, tham gia các liên hoan, hội diễn. Khi hát *ei rei*, khèn *đing năm* thổi liên tục, giữ nhịp và đệm cho hát. Số lượng người hát *ei rei* khá đa dạng, có thể hát đơn, hát đôi hoặc hát ba người hoặc theo từng tốp. Dân ca Êđê có bài *Bến nước Dur Kmăn* (*Pin ea Dur Kmăn*) là một bài hát *ei rei* rất nổi tiếng và được nhiều người yêu thích. Nội dung bài hát là niềm tự hào của người Êđê về sự phù phú, tươi đẹp của buôn Dur Kmăn – một địa danh nổi tiếng gắn với truyền thuyết về nguồn gốc người Êđê và khu căn cứ cách mạng nằm ở thượng nguồn huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

Người Mnông Gar ở huyện Lắk còn giữ được một số làn điệu dân ca như *bư bra, tôông tôông* (hát tự sự giao duyên), *tăp ta wêu* (hát đối đáp). Các nhạc cụ thường sử dụng trong hát dân ca là: *h' nung ba* (một loại kèn dăm đơn làm từ ống lúa, ống sậy) và *wao, m'blo* (sáo dọc).

Ngơi bra (*hát khấn thần*) của người Mnông là làn điệu đan xen giữa hát nói với khi khấn gọi các thần và hát có giai điệu khi nói về những điều cầu mong, ước nguyện của dân làng. Người hát là phụ nữ, thầy cúng hát tiếng Mnông.

Keo keo (*hát giao duyên*) là một làn điệu hát giao duyên của người Mnông rất vui, rất rộn ràng nhưng lại thường do các ông, các bà lớn tuổi hát. Đan xen sau những câu hát nói giao duyên là một điệp khúc người hát chính cùng với mọi người âm điệu *keo keo – keo keo*. Làn điệu *keo keo* hiện nay không còn thấy xuất hiện nữa.

Hát ru với giai điệu nhẹ nhàng, êm dịu, lời ca gắn liền với đời sống lao động sản xuất của đồng bào Jrai, Xơ Đăng. Lời của làn điệu hát ru không chỉ sâu sắc về nội dung mà nó còn mang trong mình tiếng nói, lời tâm sự của họ với mọi người xung quanh về cuộc sống của mình, của buôn làng. Làn điệu dân ca Jrai, Xơ Đăng còn có hát đối đáp giao duyên, nam nữ hát đối với nhau khi đi làm hay trong các dịp lễ hội.

III. Ý NGHĨA CỦA LÀN ĐIỆU DÂN CA

Dân ca là tinh hoa văn hoá đặc sắc, là linh hồn của mỗi tộc người. Các bài hát dân ca của các dân tộc ở Đắk Lắk gắn bó với cuộc sống lao động và sinh hoạt văn hoá cộng đồng. Các làn điệu dân ca là lời khuyên, lời nhắc nhở, động viên nhau, thể hiện tình cảm giữa con người với con người. Thông qua các câu hát, câu ca ta có thể hiểu được tâm tư tình cảm của các bà con nơi đây, làm giảm đi sự căng thẳng mệt mỏi trong quá trình lao động, đồng thời khiến cho tinh thần của người lao động hưng phấn hơn, đạt kết quả hơn. Các điệu hát trong khi làm việc, trong những lễ hội tạo điều kiện gắn kết mọi người với nhau.

(Theo *Địa chí Đắk Lắk*, NXB Khoa học xã hội, 2015)

– Lựa chọn những đáp án đúng về đặc điểm dân ca ở Đắk Lắk.

Chưa hình thành tên bài, mới chỉ hình thành lối hát.	Không có nhạc cụ đi kèm, chỉ biểu diễn ở trong nhà.
Hát có nhịp điệu là những lời trao đổi, bày tỏ ý kiến của mình, giai điệu đơn giản, lặp đi lặp lại và lời hát ngẫu hứng.	Có đặc điểm chung về giai điệu, cấu trúc âm nhạc.

– Trình bày đặc điểm của hát kưt, hát ei rei, ngơi bra, keo keo ở Đắk Lắk được đề cập trong văn bản trên.

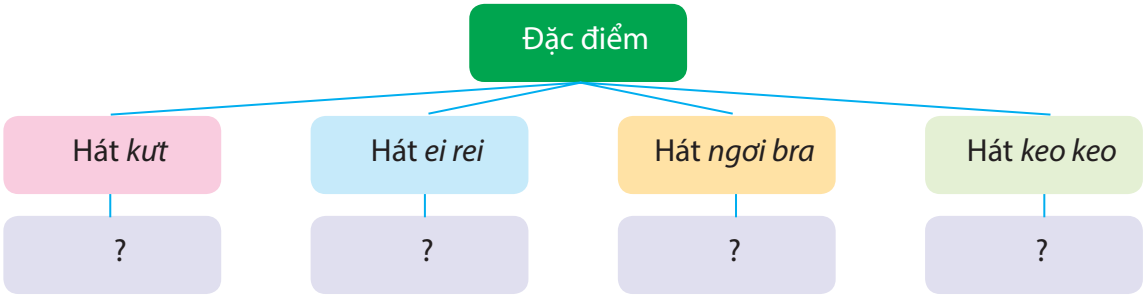

– Nêu ý nghĩa của làn điệu dân ca trong đời sống tinh thần của người dân ở Đắk Lắk.

LUYỆN TẬP

1. *Nghe một làn điệu dân ca ở Đắk Lắk sau đó nêu nội dung và cảm nhận của em về bài hát đó.*

2. *Đề xuất một số việc làm để giữ gìn và phát huy giá trị của các làn điệu dân ca.*

VẬN DỤNG

1. *Tìm hiểu thêm làn điệu dân ca ở Đắk Lắk.*

Stt	Tên làn điệu dân ca	Lời của làn điệu dân ca
?	?	?

2. *Tập hát và trình diễn bài dân ca ở Đắk Lắk.*

TÌM HIỂU THÊM

CHI RI RIA

Dân ca Ê đê
Lời : H'Linh Niê

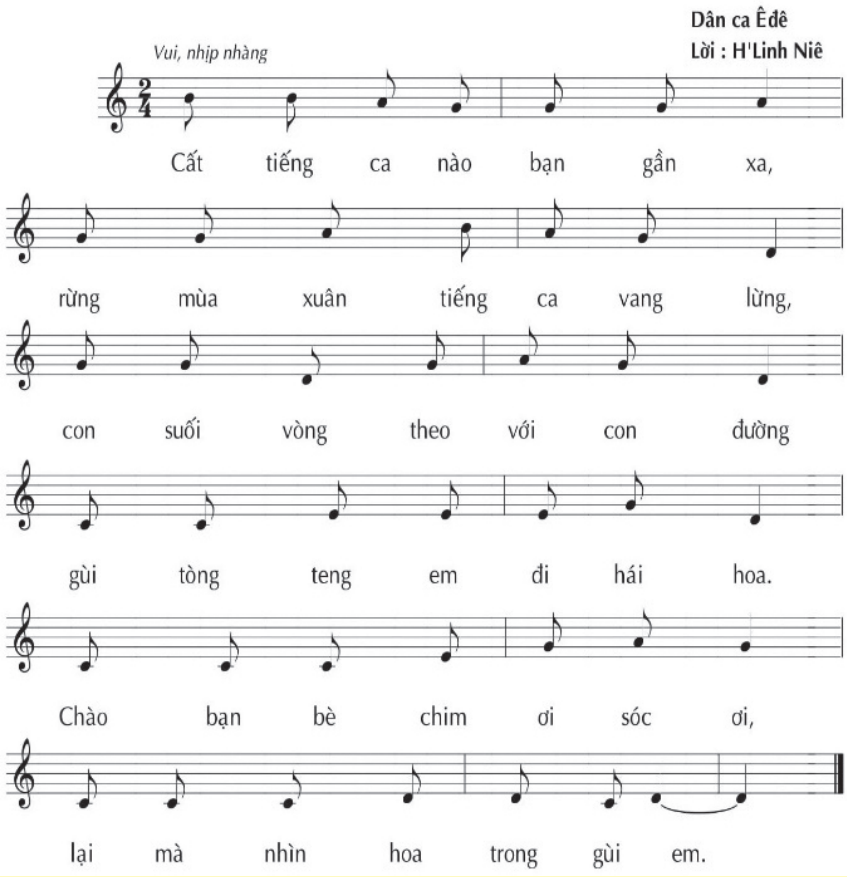

BẾN NƯỚC DUR KMĂN

Dân ca Êđê
Lời Việt: Y Kô Niê

Nhịp nhàng, tươi vui

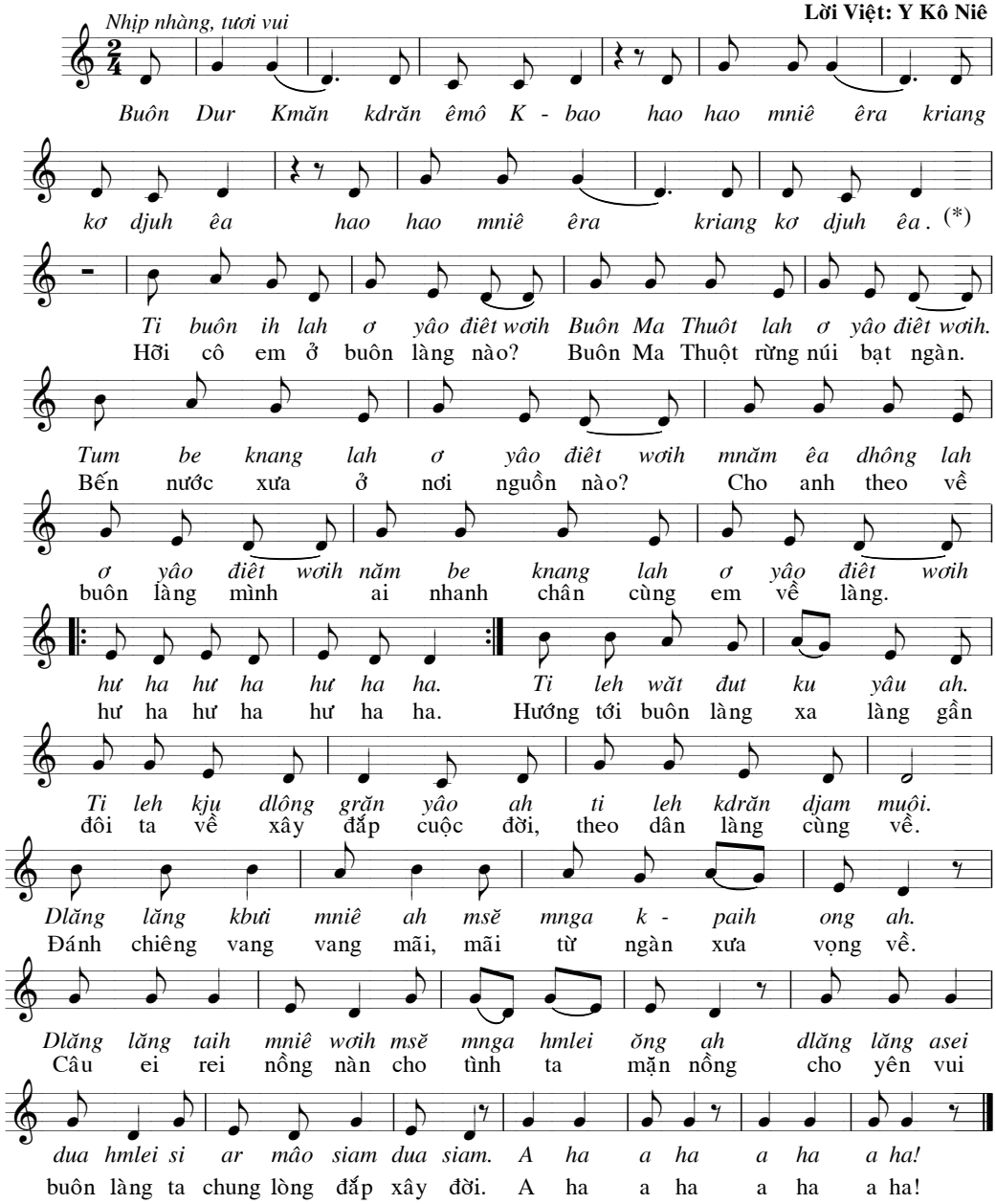

(*) Ơi con trai, con gái buôn Dur Kmăn. Buôn ta tươi đẹp, đồng cỏ làng buôn đầy trâu bò.

RU EM

Dân ca Mnông

Phỏng dịch : Linh Nga Niê Kđăm

Nhẹ nhàng, tha thiết

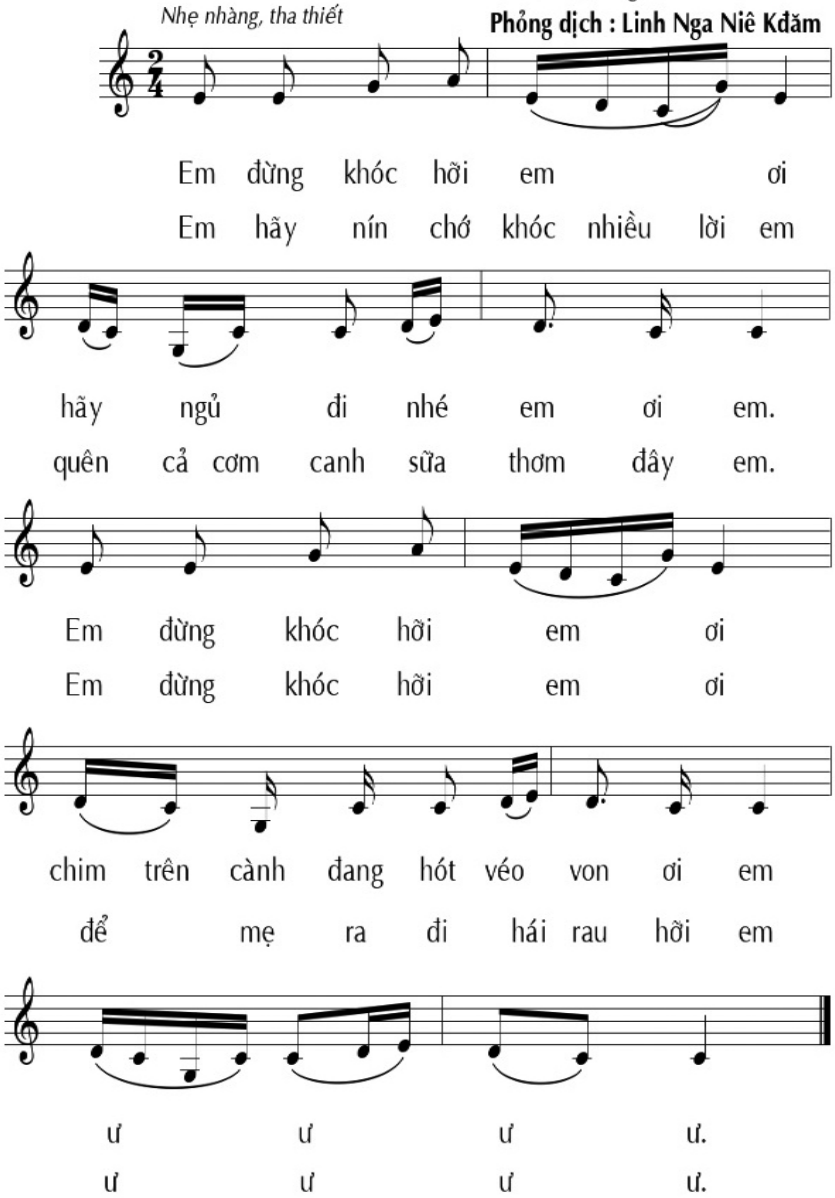

Bài 5

TRANG PHỤC TRUYỀN THỐNG CỦA MỘT SỐ DÂN TỘC Ở ĐẮK LẮK

Học xong bài này, em sẽ:

- Mô tả được trang phục truyền thống của người Êđê, Mnông.
- So sánh được điểm giống nhau và khác nhau của các trang phục truyền thống người Êđê và Mnông.
- Có ý thức giữ gìn, bảo tồn và phát huy giá trị trang phục truyền thống của người Êđê, Mnông.
- Giới thiệu được trang phục truyền thống của dân tộc em hoặc dân tộc khác ở Đắk Lắk.

MỞ ĐẦU

Quan sát hình và cho biết đây là trang phục của dân tộc nào?

Hình 5.1

Hình 5.2

Hình 5.3

Hình 5.4

KIẾN THỨC MỚI

Đắk Lắk có nhiều dân tộc cùng chung sống tạo nên diện mạo văn hoá đa dạng, phong phú. Ngoài các dân tộc Êđê, Mnông,… là những dân tộc định cư lâu đời ở Đắk Lắk còn có sự hiện diện văn hoá của các dân tộc Tày, Nùng, Mông, Dao, Hoa,… đến từ các tỉnh vùng Tây Bắc, Trung Bộ, Tây Nam Bộ,... Mỗi dân tộc đều có những trang phục truyền thống được lưu truyền từ đời này sang đời khác, thể hiện đặc trưng riêng của từng dân tộc. Chẳng hạn như trang phục nữ của người Tày được nhuộm chàm, hầu như không thêu thùa, trang trí nhưng trang phục nữ của người Mông lại rất sặc sỡ, đa dạng giữa các nhóm. Trong khi trang phục nam của người Mnông là áo và khố thì trang phục nam của người Nùng là áo và quần. Những bộ trang phục với mẫu mã đặc sắc, màu sắc và hoa văn độc đáo đã cho thấy quan niệm thẩm mĩ hết sức tinh tế của từng dân tộc. Bài học này sẽ giới thiệu về trang phục của người Êđê và Mnông. Đây là hai dân tộc thiểu số tại chỗ, mang những nét văn hoá đặc sắc tiêu biểu ở vùng đất Tây Nguyên nói chung và Đắk Lắk nói riêng.

TRANG PHỤC NGƯỜI ÊĐÊ

Trong xã hội cổ truyền, đàn ông Êđê thường quấn khố. Khố là một dải thổ cẩm rộng ít nhất 20 cm. Khố có hai loại: khố thường phục và khố dùng trong nghi lễ.

Áo truyền thống cho nam giới là loại áo chui đầu. Áo lễ phục luôn có tay dài, vạt sau dài hơn vạt trước. Chỗ xẻ dọc ở phần ngực áo, người ta đính một mảng chỉ đỏ như đại bàng giang cánh, có khuy đồng, hoa văn ở gấu áo, gấu tay. Giải hoa văn kteh ở đuôi áo. Đầu vấn khăn đen.

Hình 5.5. Trang phục nam Êđê

Trang phục chính của phụ nữ Êđê là váy và áo. Nữ giới Êđê mặc m'iêng (váy dài chấm gót). Đó là một tấm vải hình chữ nhật. Chiều dài quấn quanh thân, chiều rộng buông xuôi. Dưới gấu và ngang thân váy có hoa văn mang hình tượng quen thuộc xung quanh con người.

Áo mniê (áo nữ) là loại áo chui đầu, ôm sát vào thân, buông xuôi tới thắt lưng, vạt trước và sau bằng nhau, có loại dài tay và loại ngắn tay. Chiều dài của áo phụ thuộc sở thích và độ tuổi của người mặc.

Hình 5.6. Trang phục nữ Êđê

TRANG PHỤC NGƯỜI MNÔNG

Người nam Mnông ở Đắk Lắk thường mặc khố (kpin teh) khổ hẹp, có hoa văn ở gấu và ở trần. Nhà khá giả có thể mặc áo knuk ki như người Êđê. Ngày nay, nam giới mặc áo cộc tay, cổ tròn chui đầu, có hoa văn trước ngực và gấu áo. Khố mảnh lớn khoảng hơn một gang tay, có hoa văn sau, trước.

Trang phục nữ Mnông có cả loại áo ngắn tay, áo dài tay, váy ngắn ngang bắp chân và váy dài đến gót chân nhưng thường là tấm váy ngắn, ống tay áo ngắn vừa mang dáng vẻ dịu dàng, lại vừa phô được vẻ đẹp khoẻ khoắn, nhanh nhẹn. Áo cộc tay cổ tròn. Thân áo có hoa văn dày đặc ở ngực và gấu áo. Váy có nhiều hoa văn. Trước đây tay chân đeo nhiều vòng đồng.

Hình 5.7. Trang phục nam nữ Mnông

Ngày nay, trang phục và trang sức truyền thống của người Êđê và Mnông được sử dụng khá phổ biến trong lễ hội, sinh hoạt văn hoá truyền thống và các dịp tổ chức sự kiện của chính quyền địa phương.

(Theo *Địa chí Đắk Lắk*, NXB Khoa học xã hội, 2015)

– Trình bày đặc điểm trang phục truyền thống của người Êđê và Mnông.

Gợi ý: loại trang phục (quần, áo, váy, khố,...); kiểu dáng; hoạ tiết trang trí,...

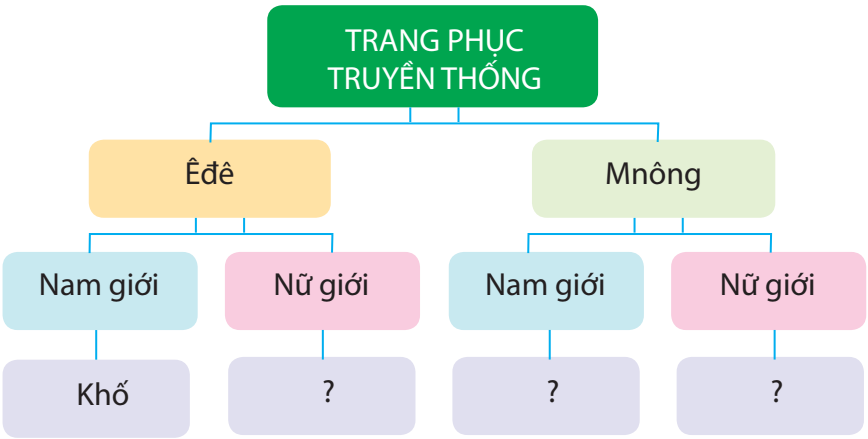

– Người Êđê và Mnông hiện nay thường mặc trang phục truyền thống vào dịp nào?

LUYỆN TẬP

1. *So sánh điểm giống nhau, khác nhau giữa trang phục người Êđê và người Mnông.*

	Êđê	**Mnông**
Giống nhau	?	
Khác nhau	?	?

2. *Chia sẻ với bạn về trang phục truyền thống của dân tộc em (hoặc dân tộc khác) ở Đắk Lắk.*

3. *Kể tên các biện pháp để bảo tồn và phát huy trang phục truyền thống của các dân tộc.*

Quy định ngày mặc trang phục truyền thống trong tuần.

VẬN DỤNG

1. *Sưu tầm tranh ảnh về trang phục truyền thống của các dân tộc ở Đắk Lắk.*

2. *Viết đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về trang phục truyền thống hiện nay.*

TÌM HIỂU THÊM

TRANG PHỤC XƯA CỦA NGƯỜI MNÔNG

Đàn ông xưa có tục để tóc dài rồi búi tròn trên ót và "*cà răng căng tai*". Đôi khi cũng còn gặp một số người vận khố, không mặc áo chui đầu, choàng một dải vải chéo để che nửa thân trên. Tương tự như cách choàng của thiếu nữ, họ phủ tấm vải từ vai phải để hai đầu dải vải cùng buông xuôi xuống dưới nách trái, trong khi thiếu nữ quấn gọn quanh trục thân. Ở gấu váy, đuôi khố là giải hoa văn.

Tấm váy của nữ giới, dải khố của nam giới và tấm choàng (của cả nam, nữ) vừa nói, cho thấy cách ăn vận của người Mnông thuộc kĩ thuật choàng quấn. Trong những ngày giá lạnh, người ta còn dễ dàng bắt gặp một số người – phần nhiều là ông bà già – choàng qua đôi vai một tấm mền, hai tay đặt chéo trước ngực để giữ lấy hai mép trên của tấm mền, đây là loại "*áo ôm*".

Các lão ông thường quấn quanh đầu một dải khăn (*kưn*) thâm rồi thả dài đuôi khăn về phía sau, hay kéo qua một bên vai, đưa về trước ngực. Họ thường đeo bông tai bằng ngà, quàng qua cổ một hay vài chuỗi hạt, mang vòng đồng ở cổ tay. Đàn ông trẻ tuổi cũng như các cô gái lại thường quấn quanh mái đầu một băng thêu mảnh mai có màu sặc sỡ.

Vào giữa thế kỉ XX, ở những vùng xa xôi hẻo lánh, một số người còn mặc áo võ cây chỉ che được thân sau và trước, không có tay, mặc theo kiểu chui đầu. Loại áo vỏ cây này không có đường khâu trên hai bờ vai giống những chiếc áo theo kĩ thuật chui đầu,…

(Theo *Địa chí Đắk Lắk*, NXB Khoa học xã hội, 2015)

Phần II
ĐỊA LÍ, KINH TẾ,
HƯỚNG NGHIỆP

Bài 6 KHÁI QUÁT CHUNG NỀN KINH TẾ TỈNH ĐẮK LẮK

Học xong bài này, em sẽ:

- Biết được quy mô, tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh Đắk Lắk.
- Phân tích được cơ cấu nền kinh tế của tỉnh Đắk Lắk.
- Biết phân tích bảng số liệu, vẽ biểu đồ thể hiện sự phát triển kinh tế.

MỞ ĐẦU

Mô tả sự thay đổi về kinh tế ở địa phương nơi em sinh sống trong khoảng 3 – 5 năm trở lại đây.

KIẾN THỨC MỚI

Đắk Lắk có quy mô kinh tế lớn thứ hai vùng Tây Nguyên, sau Lâm Đồng. Kinh tế Đắk Lắk đang có những thay đổi tích cực trong những năm gần đây.

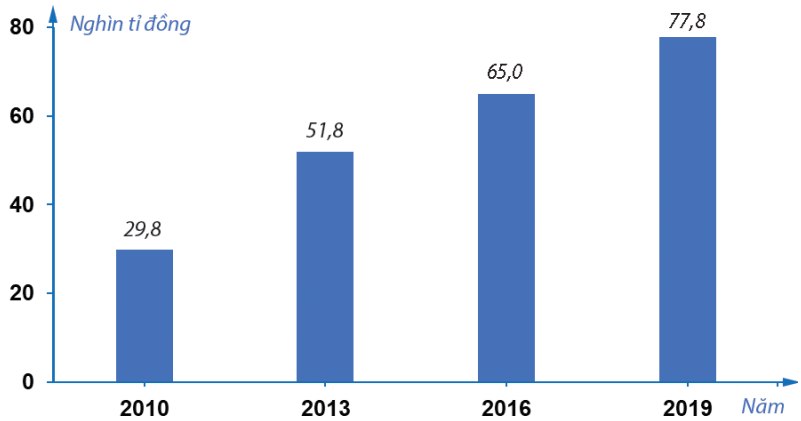

Hình 6.1. Quy mô kinh tế (tổng sản phẩm trên địa bàn – GRDP) tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2010 – 2019

– Dựa vào hình 6.1, nhận xét sự thay đổi quy mô kinh tế của Đắk Lắk trong giai đoạn 2010 – 2019.

Trong giai đoạn 2011 – 2019, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân của Đắk Lắk chỉ đạt khoảng 5,4%, thấp hơn bình quân chung của cả nước (6,3%).

Cơ cấu kinh tế theo ngành có sự thay đổi tích cực giữa ba khu vực: nông – lâm – thuỷ sản, công nghiệp – xây dựng, dịch vụ.

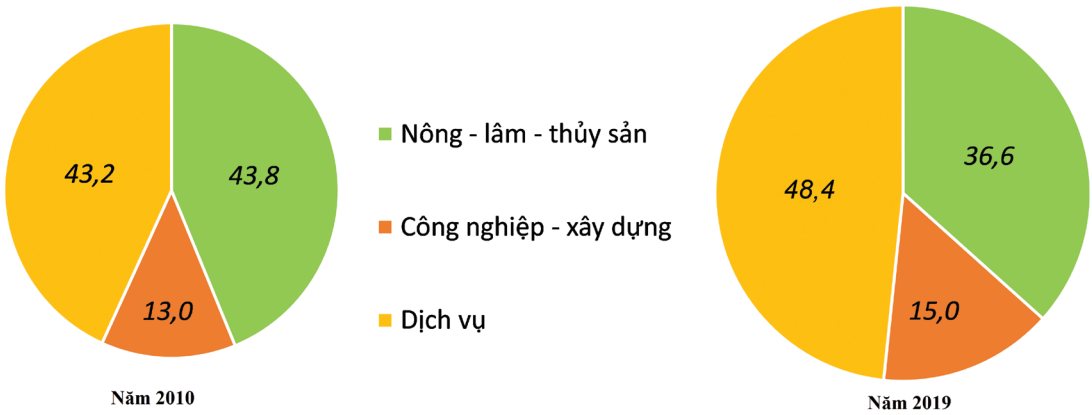

Hình 6.2. Cơ cấu kinh tế (%) theo ngành tỉnh Đắk Lắk

Trong giai đoạn 2010 – 2019, cơ cấu theo thành phần kinh tế của tỉnh cũng có sự chuyển dịch đáng kể theo hướng giảm dần tỉ trọng khu vực Nhà nước (từ 30,7% xuống 25,9%), tăng tỉ trọng khu vực ngoài Nhà nước (từ 69,0% lên 73,3%) và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (từ 0,3% lên 0,8%).

– Đọc thông tin và quan sát hình 6.2, nhận xét sự thay đổi cơ cấu kinh tế theo ngành và theo thành phần của tỉnh Đắk Lắk trong giai đoạn 2010 – 2019.

Em có biết

Cơ cấu kinh tế theo ngành phản ánh trình độ phát triển kinh tế của một tỉnh. Những tỉnh có kinh tế phát triển thường có tỉ trọng dịch vụ và công nghiệp cao, tỉ trọng nông nghiệp thấp.

Thành phố Buôn Ma Thuột là trung tâm kinh tế lớn nhất của tỉnh Đắk Lắk cũng như toàn vùng Tây Nguyên, nơi tập trung nhiều hoạt động công nghiệp, dịch vụ quan trọng của tỉnh.

Nhìn chung, nông nghiệp vẫn là hoạt động đem lại nguồn thu chính của đại bộ phận người dân trong tỉnh. Thu nhập của người dân còn thấp, đời sống của người dân ở nhiều nơi còn khó khăn.

LUYỆN TẬP

Cho bảng số liệu sau:

Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Đắk Lắk và cả nước, giai đoạn 2011 – 2019

(Đơn vị: %)

Năm	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019
Cả nước	6,2	5,3	5,4	6,0	6,7	6,2	6,8	7,1	7,0
Đắk Lắk	5,0	2,5	6,5	3,9	5,1	6,1	7,1	6,5	5,9

a. Vẽ biểu đồ đường thể hiện tốc độ tăng trưởng kinh tế của cả nước và Đắk Lắk, giai đoạn 2011 – 2019.

b. So sánh tốc độ tăng trưởng kinh tế của Đắk Lắk với tốc độ tăng trưởng kinh tế của cả nước, giai đoạn 2011 – 2019.

VẬN DỤNG

Liên hệ thực tế: Khảo sát và nhận xét tình hình kinh tế địa phương theo các gợi ý sau:

TÊN ĐỊA PHƯƠNG (XÃ, PHƯỜNG,...)

– Liệt kê các ngành kinh tế ở địa phương:……

– Ngành kinh tế đem lại nguồn thu chính cho người dân:……

– Các ngành kinh tế đang có xu hướng phát triển nhanh:……

– Nhận xét chung về mức sống của người dân:……

– Bản thân em mong muốn trong tương lai sẽ làm việc trong ngành kinh tế nào? Vì sao?……

TÌM HIỂU THÊM

Số liệu về tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP), dân số và GRDP bình quân theo đầu người của tỉnh Đắk Lắk trong giai đoạn 2010 – 2019

Năm	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP – tỉ đồng)	Dân số (người)	GRDP/người (triệu đồng)
2010	29 796	1 748 555	17,0
2011	42 613	1 760 420	24,2
2012	45 844	1 777 255	25,8
2013	51 777	1 794 558	28,9
2014	56 131	1 805 826	31,1
2015	60 919	1 820 149	33,5
2016	65 005	1 836 390	35,4
2017	70 642	1 850 314	38,2
2018	72 860	1 861 518	39,1
2019	77 828	1 872 574	41,6

Bài 7

ĐỊA LÍ NGÀNH NÔNG, LÂM, THUỶ SẢN CỦA TỈNH ĐẮK LẮK

Học xong bài này, em sẽ:

- Nêu được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành nông, lâm, thuỷ sản của tỉnh Đắk Lắk.
- Trình bày được tình hình phát triển và phân bố ngành nông, lâm, thuỷ sản ở tỉnh Đắk Lắk.
- Sử dụng được bản đồ, số liệu, biểu đồ để trình bày các đặc điểm về ngành nông nghiệp.

MỞ ĐẦU

Kể tên các loại cây trồng, vật nuôi và lâm sản chính của tỉnh Đắk Lắk theo các nhóm gợi ý sau:

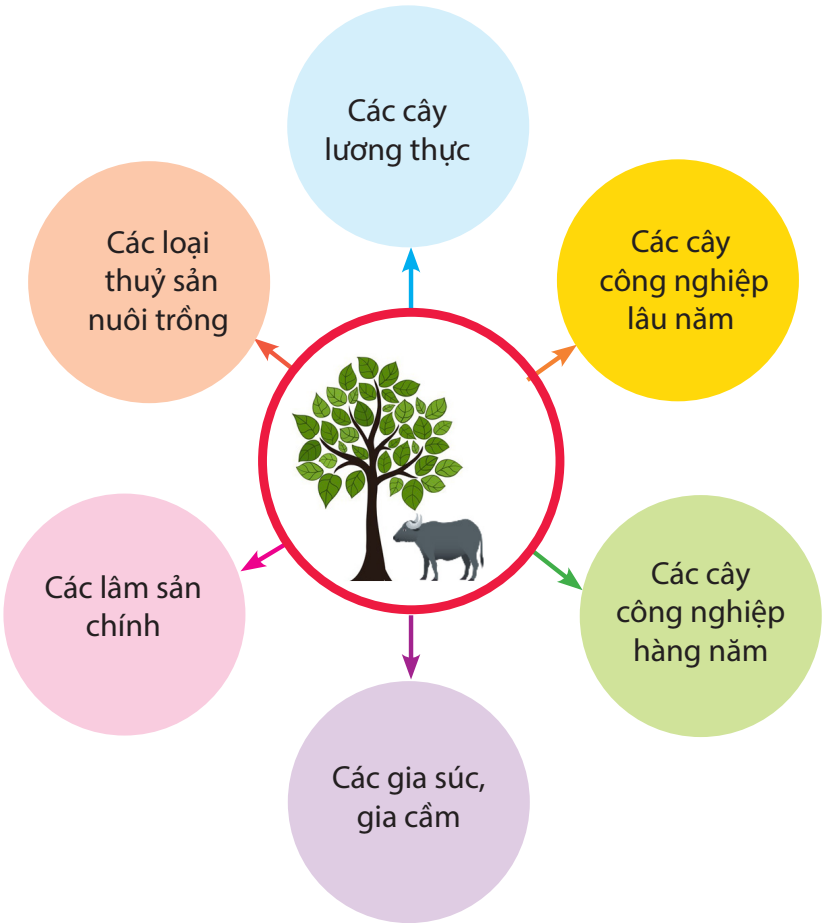

KIẾN THỨC MỚI

Ngành nông – lâm – thuỷ sản có vai trò quan trọng, chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu kinh tế tỉnh Đắk Lắk (36,6%, năm 2019).

I. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG

CÁC NHÂN TỐ

Tự nhiên

Đất: – Đất đỏ ba ban có diện tích lớn trên cao nguyên – Đất xám, đất phù sa,…

Khí hậu: – Cận xích đạo, phân hoá thành mùa mưa và mùa khô rõ rệt – Phân hoá theo độ cao

Nước: – Nguồn nước mặt: nhiều sông, suối, hồ – Nguồn nước ngầm khá phong phú

Sinh vật: – Diện tích rừng lớn – Nhiều đồng cỏ

Kinh tế – xã hội

Dân cư – lao động: Lao động dồi dào, có kinh nghiệm trong sản xuất nông, lâm nghiệp

Cơ sở vật chất, kĩ thuật: Ngày càng được hoàn thiện (hệ thống tưới tiêu, cơ sở chế biến, dịch vụ nông nghiệp,...)

Chính sách phát triển: khuyến khích phát triển các vùng chuyên canh, hỗ trợ sản xuất

Thị trường: Thị trường mở rộng (tiêu thụ trực tiếp và phục vụ chế biến)

Các nhân tố tự nhiên là nền tảng phù hợp với điều kiện sinh thái của cây, con trong khi các điều kiện kinh tế – xã hội có vai trò quyết định trong việc phát triển nông – lâm – thuỷ sản của tỉnh.

– Đọc thông tin và dựa vào sơ đồ các nhân tố trên, lấy ví dụ về tác động của các nhân tố tới sự phát triển nông – lâm – thuỷ sản ở địa phương em.

II. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ

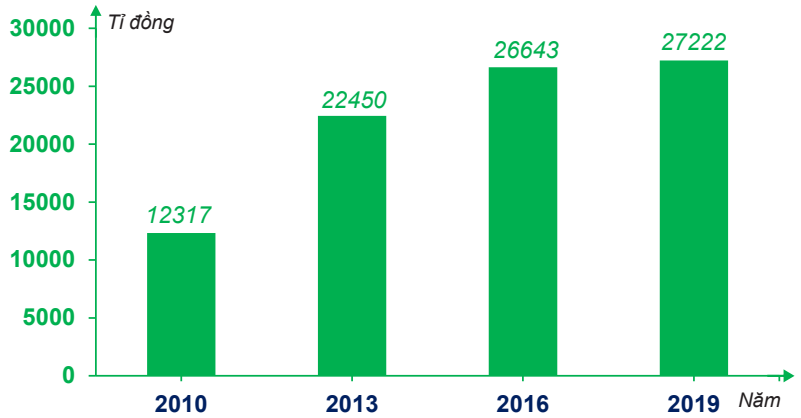

Hình 7.1. Quy mô tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) của ngành nông – lâm – thuỷ sản tỉnh Đắk Lắk

Ngành nông – lâm – thuỷ sản có xu hướng giảm tỉ trọng từ 41,3% xuống 34,8% trong nền kinh tế của tỉnh giai đoạn 2010 – 2019, song đây vẫn là ngành chiếm tỉ trọng cao thứ hai và đóng vai trò tạo việc làm, thu nhập cho đại bộ phận dân cư trong tỉnh Đắk Lắk.

– Đọc thông tin và dựa vào hình 7.1, nhận xét sự thay đổi GRDP ngành nông – lâm – thuỷ sản của tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2010 – 2019.

1. Ngành trồng trọt

Ngành trồng trọt hiện vẫn giữ vai trò chủ đạo trong sản xuất nông nghiệp của tỉnh Đắk Lắk. Cơ cấu cây trồng của tỉnh khá đa dạng, bao gồm cây lương thực, cây công nghiệp lâu năm, cây công nghiệp hàng năm, cây ăn quả, cây rau đậu,... trong đó, nhóm cây công nghiệp lâu năm chiếm vị trí quan trọng nhất. Phân bố các nhóm cây trồng có sự khác nhau, phụ thuộc chủ yếu vào đặc điểm đất, địa hình và tập quán sản xuất của người dân.

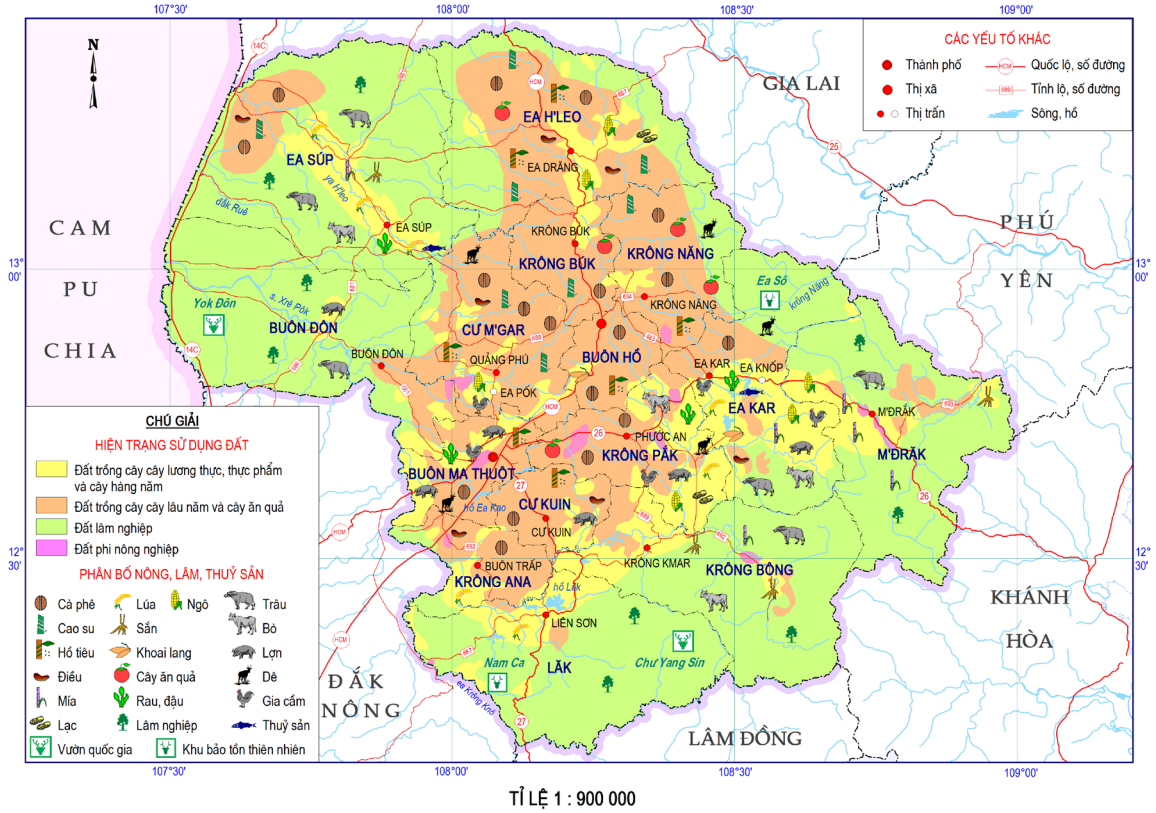

Hình 7.2. Lược đồ nông – lâm – thuỷ sản tỉnh Đắk Lắk, năm 2019

– Đọc thông tin và quan sát hình 7.2, nêu sự phân bố của các loại cây trồng ở tỉnh Đắk Lắk.

2. Ngành chăn nuôi

Chăn nuôi có vai trò ngày càng quan trọng trong cơ cấu nông nghiệp. Do có nhiều đồng cỏ và khí hậu thuận lợi, Đắk Lắk có số lượng đàn trâu, bò lớn, đặc biệt là đàn bò. Ngoài ra, chăn nuôi lợn và gia cầm khá phổ biến, được tiến hành dưới hình thức chăn nuôi trang trại và chăn nuôi hộ gia đình.

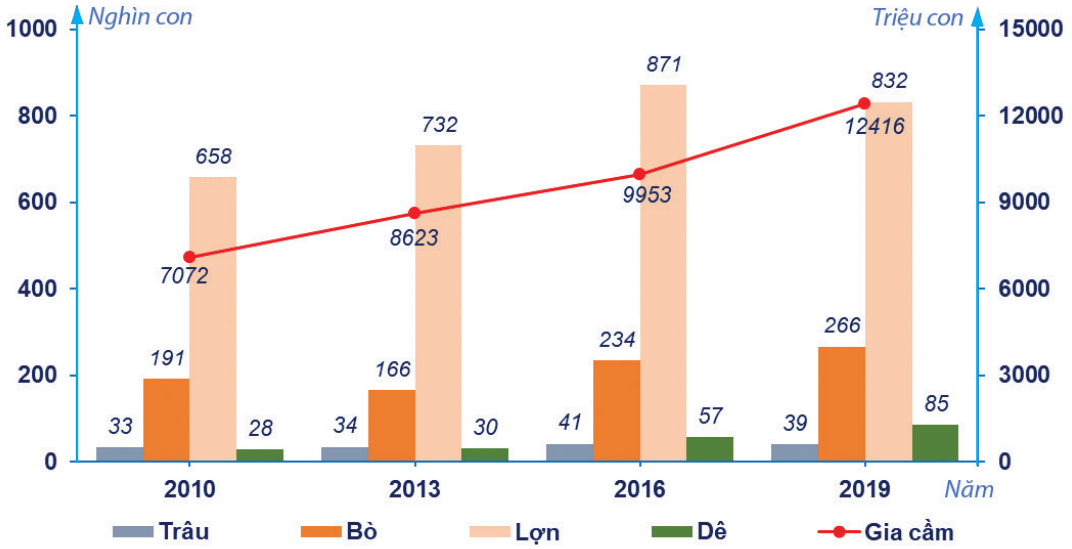

Hình 7.3. Số lượng một số loại vật nuôi ở tỉnh Đắk Lắk

– Đọc thông tin và quan sát hình 7.3, nhận xét về sự phát triển số lượng các loại vật nuôi chính ở tỉnh Đắk Lắk trong giai đoạn 2010-2019.

– Đọc thông tin và quan sát hình 7.2, nêu sự phân bố của các loại vật nuôi chính ở tỉnh Đắk Lắk.

3. Lâm nghiệp

Đắk Lắk có diện tích rừng lớn, phân bố rộng khắp, nhất là các huyện giáp biên giới Campuchia. Các lâm sản chủ yếu bao gồm: gỗ, gỗ nguyên liệu giấy, củi, tre, nứa hàng, song mây, nhựa thông, măng tươi,...

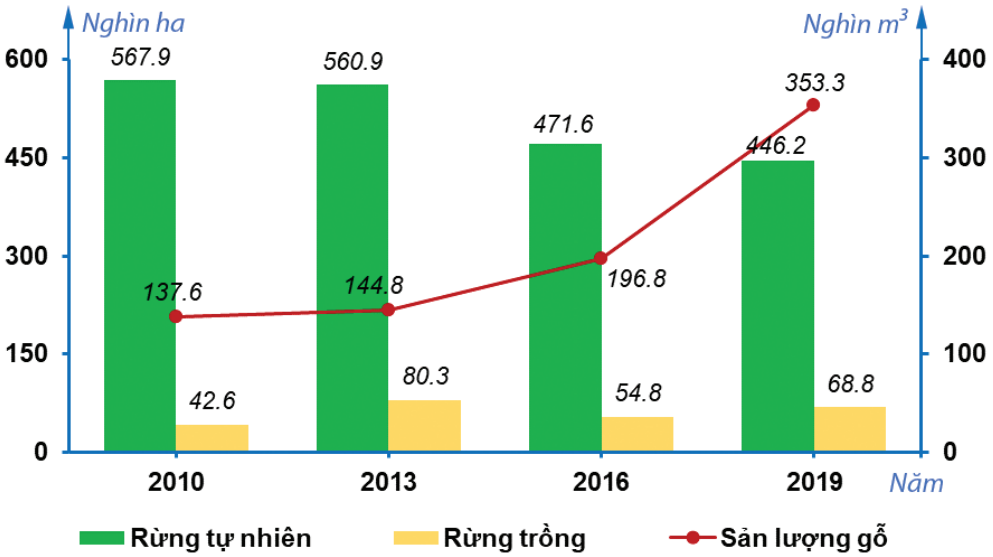

Hình 7.4. Diện tích rừng và sản lượng gỗ khai thác tỉnh Đắk Lắk

Dựa vào hình 7.4, hãy:

– Nhận xét về biến động diện tích rừng ở Đắk Lắk và giải thích nguyên nhân.

– Nhận xét sản lượng khai thác gỗ của Đắk Lắk, giai đoạn 2010 – 2019.

4. Thuỷ sản

Tuy không giáp biển nhưng Đắk Lắk có hệ thống sông, suối, hồ phong phú thuận lợi phát triển thuỷ sản nước ngọt. Năm 2019, Đắk Lắk đứng đầu vùng Tây Nguyên về diện tích mặt nước nuôi trồng và sản lượng thuỷ sản. Các loại thuỷ sản chính là cá, tôm. Các huyện có sản lượng thuỷ sản lớn là: Ea Kar, Krông Pắc, Krông ANa, thành phố Buôn Ma Thuột.

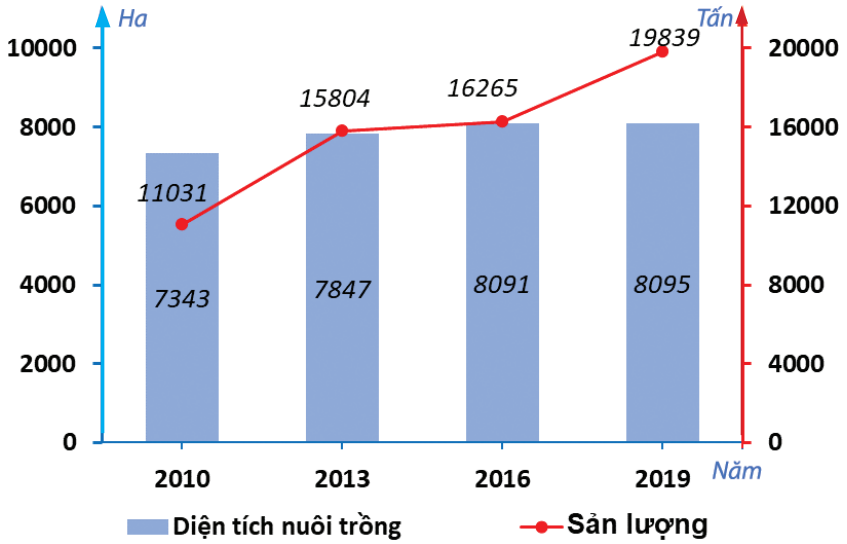

Hình 7.5. Diện tích nuôi trồng và sản lượng thuỷ sản tỉnh Đắk Lắk

Dựa vào hình 7.5 và hiểu biết của bản thân, hãy:

– Nhận xét sự phát triển của diện tích nuôi trồng và sản lượng thuỷ sản Đắk Lắk trong giai đoạn 2010 – 2019.

– Vì sao các huyện Ea Kar, Krông Pắc, Krông ANa,... lại có sản lượng thuỷ sản lớn?

LUYỆN TẬP

Lựa chọn các thông tin ở cột A với cột B cho phù hợp.

A	*B*
1. Trồng cây công nghiệp lâu năm	a. Có diện tích mặt nước lớn trên các sông, hồ
2. Trồng lúa	b. Có nhiều đồng cỏ
3. Chăn nuôi gia súc lớn (trân, bò)	c. Có các đồng bằng phù sa sông
4. Lâm nghiệp	d. Có đất badan trên các cao nguyên, khí hậu cận xích đạo
5. Thuỷ sản	e. Có diện tích rừng lớn

VẬN DỤNG

Địa phương em có thế mạnh để phát triển những ngành nào trong nhóm ngành nông – lâm – thuỷ sản. Trình bày những điều kiện thuận lợi, khó khăn của địa phương đối với những ngành đó.

TÌM HIỂU THÊM

CÂY ĂN QUẢ Ở ĐẮK LẮK

Đắk Lắk có điều kiện thuận lợi để phát triển các loại cây ăn quả. Những năm gần đây, diện tích trồng cây ăn quả của tỉnh tăng mạnh, năng suất, chất lượng, sản lượng trái cây cũng ngày một nâng cao.

DIỆN TÍCH TRỒNG MỘT SỐ LOẠI CÂY ĂN QUẢ Ở ĐẮK LẮK

(Đơn vị: Ha)

Năm	2010	2015	2017	2018	2019
Dứa	193	254	300	365	754
Xoài	550	729	947	946	978
Cam, quýt, bưởi	530	476	953	1 557	1 874
Thanh long	140	250	286	308	338
Nhãn, vải, chôm chôm	459	481	728	1 206	1 811

Ngoài các loại trái cây trên, Đắk Lắk còn là vùng trồng bơ nổi tiếng với diện tích trồng lớn nhất vùng Tây Nguyên. Bơ sáp Đắk Lắk là đặc sản được tiêu thụ rộng rãi ở thị trường Việt Nam. Đắk Lắk còn được biết đến là vùng trồng sầu riêng ngon và năng suất cao. Các loại sầu riêng phổ biến ở Đắk Lắk là: sầu riêng Dona, sầu riêng Ri 6, sầu riêng Óc khỉ, sầu riêng Khổ qua, sầu riêng Cái Mơn,… Trong đó, sầu riêng Dona là loại được trồng phổ biến nhất"

Tuy vậy, Đắk Lắk có rất ít nhà máy chế biến và bảo quản nông sản, đặc biệt là chế biến trái cây. Điều này gây khó khăn trong tiêu thụ vào mùa thu hoạch khi nhiều loại trái cây có thời điểm thu hoạch đồng loạt và chỉ diễn ra trong thời gian ngắn.

Bài 8

ĐỊA LÍ NGÀNH CÔNG NGHIỆP ĐẮK LẮK

Học xong bài này, em sẽ:

- Nêu được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp của tỉnh Đắk Lắk.
- Trình bày được tình hình phát triển và phân bố ngành công nghiệp ở tỉnh.
- Kể tên và xác định được trên bản đồ các ngành công nghiệp và một số khu, cụm công nghiệp ở Đắk Lắk.
- Sử dụng được bản đồ, số liệu, biểu đồ để trình bày các đặc điểm về ngành công nghiệp.

MỞ ĐẦU

Cho biết các hình ảnh dưới đây mô tả hoạt động của những ngành công nghiệp nào ở tỉnh Đắk Lắk.

Hình 8.1

Hình 8.2

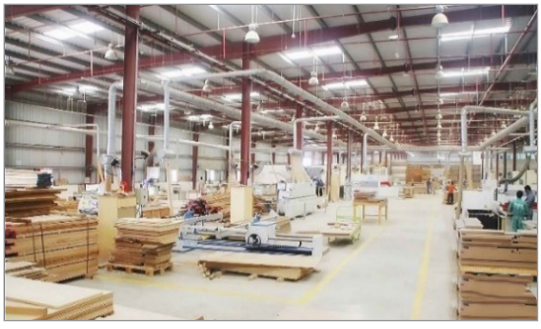

Hình 8.3

Hình 8.4

KIẾN THỨC MỚI

Công nghiệp là ngành kinh tế có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất song hiện chiếm tỉ trọng nhỏ trong cơ cấu kinh tế của tỉnh (chiếm 8,8% – năm 2019).

I. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG

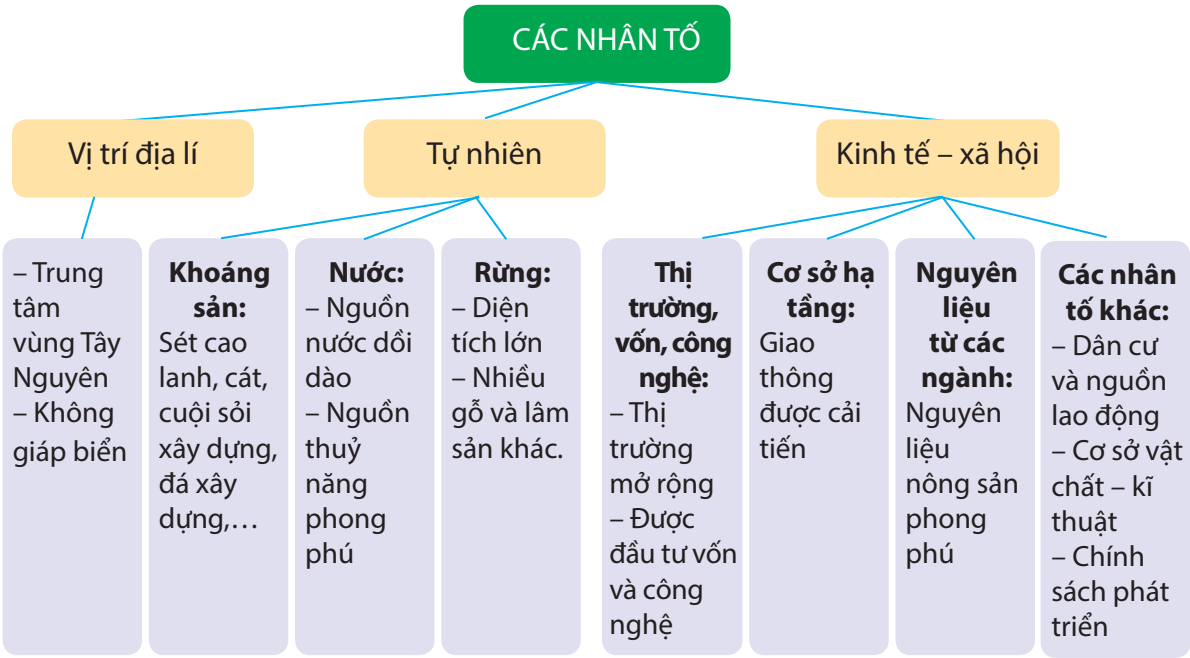

Hình 8.5. Sơ đồ các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp của Đắk Lắk

– Dựa vào hình 8.5, hãy lấy ví dụ minh họa về các nhân tố tác động trên đối với công nghiệp ở địa phương em.

II. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ

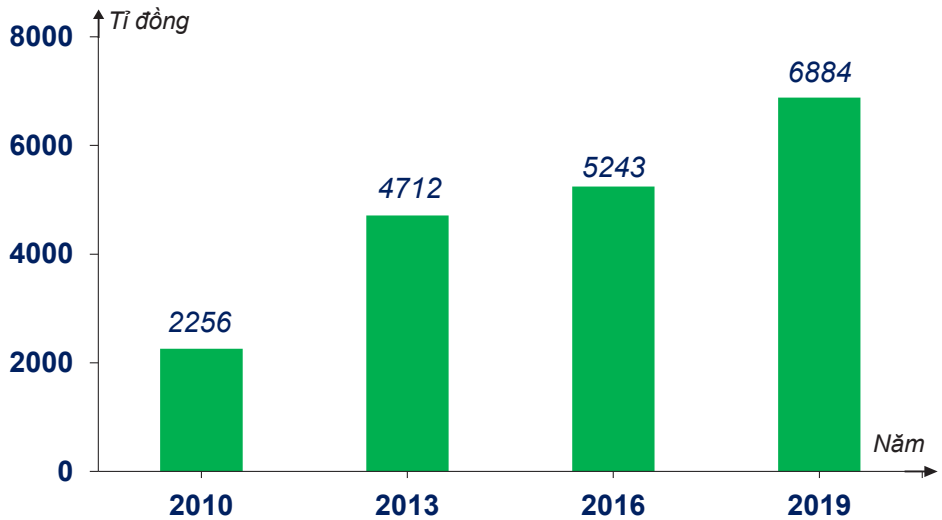

Hình 8.6. Quy mô tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) của ngành công nghiệp tỉnh Đắk Lắk

– Dựa vào hình 8.6, nhận xét sự thay đổi giá trị GRDP ngành công nghiệp của tỉnh Đắk Lắk trong giai đoạn 2010-2019.

Trong cơ cấu ngành công nghiệp của tỉnh, nổi bật là vai trò của các ngành công nghiệp chế biến thực phẩm, đồ uống; chế biến lâm sản; công nghiệp năng lượng, công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng; công nghiệp cơ khí.

Theo lãnh thổ, thành phố Buôn Ma Thuột là trung tâm công nghiệp lớn nhất của tỉnh với cơ cấu ngành khá đa dạng. Tính đến hết năm 2020, trên địa bàn tỉnh mới chỉ có 1 khu công nghiệp (KCN Hoà Phú thuộc thành phố Buôn Ma Thuột) và 8 cụm công nghiệp phân bố ở rải rác các địa phương.

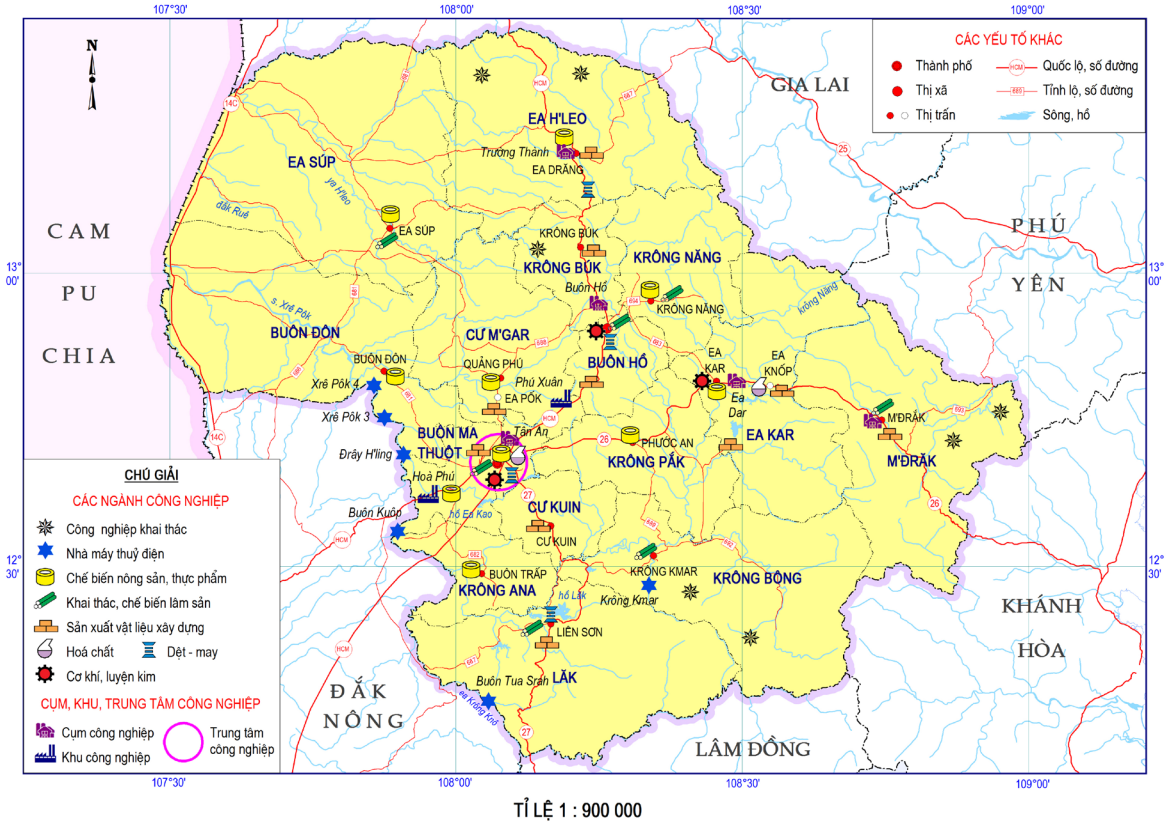

Hình 8.7. Lược đồ công nghiệp tỉnh Đắk Lắk, năm 2019

Đọc thông tin và quan sát hình 8.7, hãy:

– Nêu sự phân bố của các ngành công nghiệp chính của tỉnh Đắk Lắk.

– Xác định trên bản đồ: trung tâm công nghiệp, khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

LUYỆN TẬP

Lựa chọn các thông tin ở cột A với cột B cho phù hợp.

A	B
1. Công nghiệp năng lượng	a. Có nguồn nguyên liệu dồi dào từ ngành trồng trọt (cà phê, cao su, điều, mía, ngô, sắn,…).
2. Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng	b. Sông suối có độ dốc lớn, lượng nước dồi dào.
3. Công nghiệp chế biến lâm sản	c. Có nhiều khoáng sản như: sét cao lanh, cát, cuội sỏi xây dựng,…
4. Công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm	d. Có diện tích rừng và trữ lượng gỗ lớn.

VẬN DỤNG

Cho biết tên và phân tích các điều kiện phát triển ngành công nghiệp nổi bật ở địa phương em hiện nay. Với điều kiện hiện nay của địa phương thì có thể phát triển thêm những ngành công nghiệp nào.

TÌM HIỂU THÊM

KHU CÔNG NGHIỆP HOÀ PHÚ

Khu công nghiệp Hoà Phú có diện tích 181 ha, thuộc xã Hoà Phú, thành phố Buôn Ma Thuột. Tính đến năm 2020, đây là khu công nghiệp duy nhất tại tỉnh Đắk Lắk. Khu công nghiệp Hoà Phú thu hút được 55 dự án đăng kí đầu tư, trong đó có 38 dự án đang hoạt động với tổng vốn đầu tư thực hiện khoảng 3 300 tỉ đồng. Các dự án đầu tư vào khu công nghiệp chủ yếu ở những lĩnh vực: sản xuất phân bón, gạch không nung, chế biến cà phê, tái chế phế liệu,… Tổng số lao động đang làm việc tại khu công nghiệp Hoà Phú năm 2020 là gần 2 000 người.

Bài 9

NHU CẦU SỬ DỤNG VÀ ĐÀO TẠO LAO ĐỘNG Ở MỘT SỐ NGÀNH NGHỀ CỦA TỈNH ĐẮK LẮK

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được đặc điểm về nguồn lao động và nhu cầu sử dụng lao động ở một số ngành nghề của tỉnh Đắk Lắk.
- Trình bày được công tác đào tạo một số ngành nghề cho lao động ở tỉnh Đắk Lắk.
- Biết cách điều tra, khảo sát đơn giản về nhu cầu tuyển dụng và yêu cầu về phẩm chất, năng lực của người làm một số nghề phổ biến ở tỉnh Đắk Lắk.
- Xây dựng và thực hiện được kế hoạch rèn luyện của bản thân để phù hợp với ngành nghề ở địa phương.

MỞ ĐẦU

Kể tên một số ngành nghề, cơ sở sản xuất thu hút nhiều lao động ở địa phương mà em biết.

Hình 9.1. Lao động làm việc trong cơ sở thu hoạch, chế biến nông sản ở tỉnh Đắk Lắk

KIẾN THỨC MỚI

I. KHÁI QUÁT VỀ NGUỒN LAO ĐỘNG VÀ NHU CẦU SỬ DỤNG LAO ĐỘNG Ở ĐẮK LẮK

Tỉnh Đắk Lắk có nguồn nhân lực dồi dào. Năm 2020, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên tỉnh Đắk Lắk là khoảng 1 079 022 người (theo Niên giám thống kê tỉnh Đắk Lắk, năm 2020). Trên địa bàn có nhiều doanh nghiệp thu hút được nhiều lao động làm việc. Tuy nhiên, ở một số nhóm ngành nghề, doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng lao động lớn nhưng số lượng lao động được tuyển dụng còn thấp. Số lao động chưa tìm được việc làm vẫn còn nhiều, do không đáp ứng được yêu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp. Tỉnh đã tổ chức nhiều phiên giao dịch việc làm để làm cầu nối thông tin giữa doanh nghiệp tuyển dụng và người lao động tìm việc làm.

Hình 9.2. Người lao động tìm việc ở phiên giao dịch việc làm

Hình 9.3. Lao động ở Đắk Lắk

II. ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG Ở TỈNH ĐẮK LẮK

Tỉnh Đắk Lắk rất chú trọng đào tạo nghề cho người lao động. Năm 2020, tỉ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt khoảng 60% (theo *Niên giám thống kê tỉnh Đắk Lắk, năm 2020)*. Các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh đã tăng cường hợp tác quốc tế, nâng cao chất lượng đào tạo; tích cực kết nối với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đưa học sinh, sinh viên đi thực tập sản xuất, giới thiệu việc làm; tư vấn, hướng nghiệp cho học sinh Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và tại dân cư nhằm nắm bắt thông tin, lựa chọn ngành nghề thích hợp. Một số cơ sở đào tạo nhân lực ở tỉnh Đắk Lắk như: Trường Đại học Tây Nguyên, Trường Đại học Buôn Ma Thuột, Trường Cao đẳng kĩ thuật Đắk Lắk,… Đào tạo nghề cho lao động nông thôn được chú trọng phát triển và đã có một số mô hình dạy nghề hiệu quả như: trồng và khai thác nấm, trồng nấm dược liệu, chăm sóc da và làm đẹp, trồng và chăm sóc cây tiêu, may công nghiệp, chăn nuôi thú y,…

Hình 9.4. Lao động nữ học nghề may công nghiệp tại Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện Cư M'gar

Hình 9.5. Đào tạo nghề trồng nấm rơm cho lao động nông thôn ở Đắk Lắk

a. Quan sát hình 9.6, 9.7 và thực hiện các yêu cầu:

– Sắp xếp các trình độ của người lao động mà doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng ở Đắk Lắk năm 2020 theo thứ tự từ cao xuống thấp.

Trung cấp	Đại học	Lao động phổ thông	Cao đẳng	Bằng nghề/ tay nghề

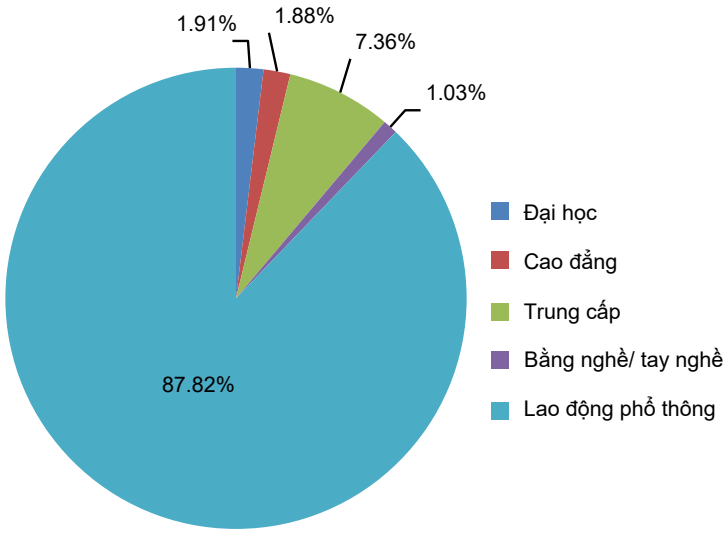

Hình 9.6. Nhu cầu tuyển dụng lao động theo trình độ ở Đắk Lắk (năm 2020)

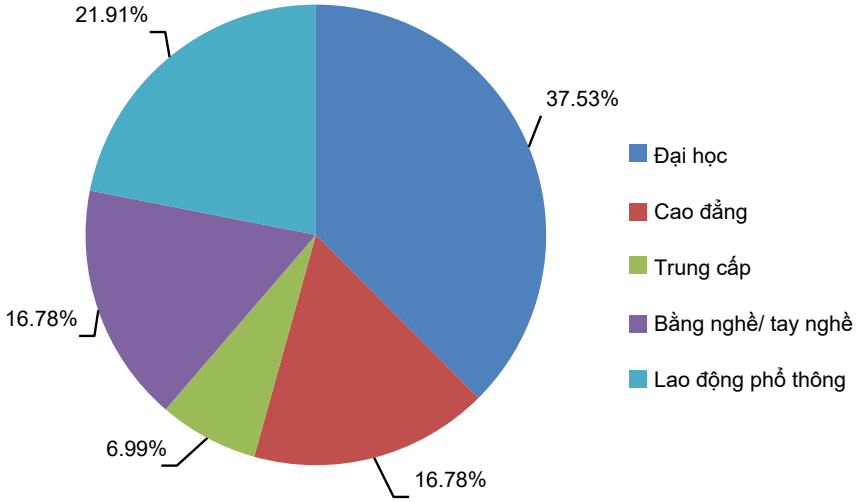

Hình 9.7. Nhu cầu tìm kiếm việc làm theo trình độ ở Đắk Lắk (năm 2020)

(Nguồn: vieclamdaklak.net)

– Sắp xếp các trình độ của người có nhu cầu tìm kiếm việc làm ở Đắk Lắk theo thứ tự từ cao xuống thấp.

b. Quan sát hình 9.8, 9.9 và thực hiện các yêu cầu:

– Sắp xếp các ngành, nghề có nhu cầu tuyển dụng cao năm 2020 ở Đắk Lắk theo thứ tự từ cao đến thấp:

Dịch vụ	Công nghiệp, xây dựng	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản

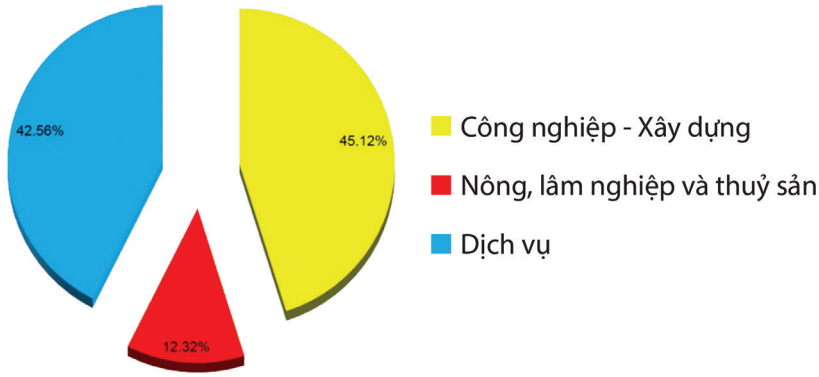

Hình 9.8. Nhu cầu tuyển dụng lao động một số ngành nghề ở Đắk Lắk (năm 2020)

(Nguồn: vieclamdaklak.net)

– Sắp xếp các ngành, nghề có số người nộp hồ sơ năm 2020 ở Đắk Lắk theo thứ tự từ cao xuống thấp.

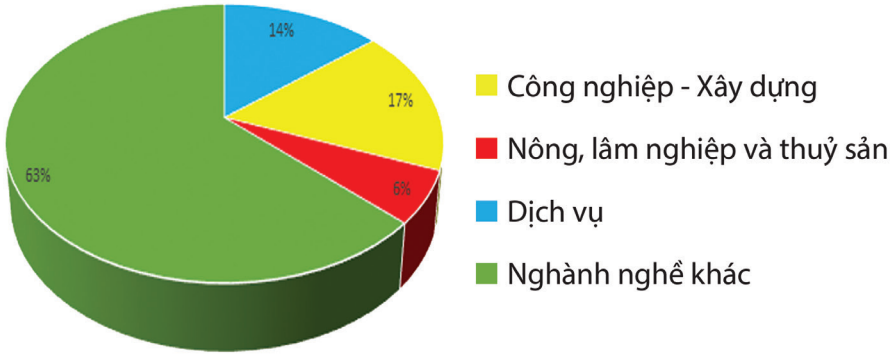

Hình 9.9. Nhu cầu tìm việc làm theo các lĩnh vực ngành nghề ở Đắk Lắk (năm 2020)

(Nguồn: vieclamdaklak.net)

c. Quan sát hình 9.6, 9.7, 9.8, 9.9 về nhu cầu tuyển dụng lao động và nhu cầu tìm kiếm việc làm của người lao động, hãy lựa chọn 1 trong 2 nhận định về mức độ đáp ứng của người tìm kiếm việc làm so với nhu cầu tuyển dụng hiện nay ở Đắk Lắk (dư thừa hay thiếu) theo gợi ý sau:

Trình độ cần tuyển dụng	Mức độ đáp ứng của người tìm kiếm việc làm so với nhu cầu tuyển dụng
Lao động phổ thông	?
Bằng nghề/ tay nghề	?
Trung cấp	?
Cao đẳng	?
Đại học	?

Ngành nghề cần tuyển dụng	Mức độ đáp ứng của tìm kiếm việc làm so với nhu cầu tuyển dụng
Dịch vụ	?
Công nghiệp, xây dựng	?
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản	?

d. Từ những biểu đồ ở các phần trên, em hãy cho biết: Nhóm ngành nghề nào hiện nay có nhu cầu tuyển dụng cao. Nhóm ngành nghề nào có nhu cầu tuyển dụng thấp. Nhu cầu tìm kiếm việc làm của các nhóm ngành nghề đó có phù hợp với nhu cầu tuyển dụng không.

e. Kể tên một số ngành nghề được đào tạo ở tỉnh Đắk Lắk.

LUYỆN TẬP

Tìm kiếm và chia sẻ thông tin về nhu cầu tuyển dụng lao động và yêu cầu về năng lực cần có của người làm một số nghề phổ biến ở địa phương em theo gợi ý dưới đây:

Bước 1. Chuẩn bị:
Sưu tầm tranh, ảnh, bài viết,… về thông tin tuyển dụng lao động ở địa phương em.

Bước 2. ***Hoạt động nhóm:***
Dán tranh ảnh, thông tin lên giấy A1

Việc làm	Mô tả công việc	Yêu cầu
Hình 9.10. Thợ cơ khí	Hàn cơ khí, làm bảng quảng cáo.	Biết hàn cơ khí, sức khoẻ tốt, nhanh nhẹn, chăm chỉ.
?	?	?
?	?	?

Bước 3. ***Chia sẻ sản phẩm***

VẬN DỤNG

Xây dựng kế hoạch của bản thân để phù hợp với yêu cầu của ngành nghề ở địa phương theo gợi ý sau:

Sở thích, khả năng của bản thân

- Thích hoạt động tập thể, thích kinh doanh,...

Nghề nghiệp mong muốn

- ***Nhân viên phát triển kinh doanh:***
  Yêu cầu: Giao tiếp tốt, thành thạo tin học văn phòng, sử dụng được tiếng Anh giao tiếp,...

Kế hoạch rèn luyện bản thân để phù hợp với yêu cầu nghề nghiệp

- Tích cực tham gia các hoạt động ngoại khoá
- Học tốt tiếng Anh, Toán,...
- Thi đỗ vào trường đào tạo kinh doanh...

TÌM HIỂU THÊM

Giai đoạn 2010 – 2020, thực hiện Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020", tỉnh Đắk Lắk đã tổ chức 1 022 lớp dạy nghề cho 35 629 lượt lao động nông thôn, tổng kinh phí trên 105 tỉ đồng. Trong đó, hơn 82% lao động nông thôn được đào tạo nghề có việc làm mới hoặc làm nghề cũ nhưng năng suất và thu nhập được cải thiện.

Nhiều mô hình kinh tế sau đào tạo nghề được triển khai có hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương, đang được triển khai nhân rộng, như: trồng và khai thác nấm, trồng nấm dược liệu, chăm sóc da và làm đẹp, trồng và chăm sóc cây tiêu, may công nghiệp, chăn nuôi thú y,… Mặt khác, đào tạo nghề cho lao động nông thôn góp phần quan trọng thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Tỉ lệ lao động qua đào tạo nghề ngày càng tăng, góp phần tích cực trong công tác xoá đói giảm nghèo của tỉnh.

(**Theo** ***https://daklak.gov.vn***)

Bài 10

CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN THỰC PHẨM, ĐỒ UỐNG VÀ CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN LÂM SẢN Ở ĐẮK LẮK

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được vai trò, hiện trạng phát triển 2 ngành công nghiệp của tỉnh Đắk Lắk.
- Biết được các định hướng phát triển 2 ngành công nghiệp và phân tích được tác động của ngành đến vấn đề lao động, việc làm ở địa phương.
- Đọc được bản đồ, phân tích số liệu, tư liệu về 2 ngành công nghiệp.

MỞ ĐẦU

Sắp xếp các hình sau theo thứ tự và mô tả quy trình chế biến cà phê theo phương pháp thủ công.

Hình 10.1

Hình 10.2

Hình 10.3

Hình 10.4

Hình 10.5

KIẾN THỨC MỚI

I. CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN THỰC PHẨM, ĐỒ UỐNG

Công nghiệp chế biến thực phẩm, đồ uống là ngành truyền thống và hiện vẫn giữ vai trò quan trọng đối với tỉnh Đắk Lắk: tiêu thụ các loại nông sản tại chỗ, tạo mặt hàng xuất khẩu và giải quyết việc làm cho người lao động địa phương.

Cơ cấu ngành công nghiệp chế biến thực phẩm, đồ uống của tỉnh đa dạng trên cơ sở khai thác nguồn nguyên liệu, lao động tại chỗ và phục vụ nhu cầu thiết yếu của người dân.

– Nối các sản phẩm ở cột B phù hợp với 2 nhóm ngành công nghiệp ở cột A.

A	B
Công nghiệp chế biến thực phẩm	Đường tinh luyện
	Bia đóng chai
	Cà phê bột
Công nghiệp chế biến đồ uống	Gạo xay xát
	Tinh bột sắn, bột dong riềng
	Nước giải khát

1. Công nghiệp chế biến cà phê

Dựa vào nguồn nguyên liệu tại chỗ dồi dào và được đầu tư công nghệ mới, công nghiệp chế biến cà phê có tốc độ tăng trưởng khá nhanh trong giai đoạn gần đây. Sản phẩm chế biến đa dạng, bao gồm cà phê hạt rang, cà phê bột, cà phê hoà tan,… với chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

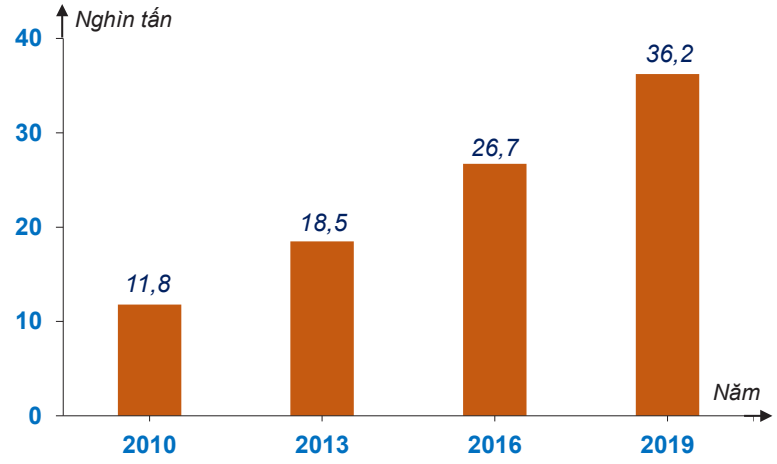

Hình 10.6. Biểu đồ sản lượng cà phê chế biến của Đắk Lắk

– Đọc thông tin và quan sát hình 10.6, nhận xét sản lượng cà phê chế biến của Đắk Lắk trong giai đoạn 2015 – 2019.

Hình 10.7. Sản phẩm cà phê chồn Đắk Lắk

Em có biết

Cà phê là nét văn hoá đặc trưng của Đắk Lắk, trong đó cà phê chồn Đắk Lắk có dấu ấn nổi bật bởi nó hội tụ nét văn hoá của nơi sản xuất, sự quý hiếm và quy trình chế biến độc đáo. Tập đoàn Trung Nguyên hiện sở hữu thương hiệu cà phê chồn đắt nhất thế giới (thương hiệu Weasel Coffee).

Các nhà máy chế biến cà phê thường tập trung ở gần vùng nguyên liệu (vùng trồng nhiều cà phê). Hầu hết các huyện trồng nhiều cà phê đều có nhà máy chế biến, tiêu biểu là nhà máy chế biến cà phê thuộc Tập đoàn Cà phê Trung Nguyên (khu công nghiệp Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột), nhà máy chế biến cà phê hoà tan thuộc Công ti Trách nhiệm hữu hạn Cà phê Ngon (huyện Cư Kuin), nhà máy chế biến cà phê thuộc Công ti Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cà phê Thắng Lợi (huyện Krông Pắc),...

2. Công nghiệp chế biến mía đường

Mặc dù có nguyên liệu khá phong phú nhưng ngành sản xuất đường mía ở tỉnh Đắk Lắk gặp phải khó khăn do không cạnh tranh được về giá cả ở thị trường trong nước và quốc tế. Một số cơ sở sản xuất đường mía đã đóng cửa, gây tổn thất không chỉ với ngành công nghiệp này mà còn thiệt hại đến nông dân trồng mía trong tỉnh. Hiện tại, các cơ sở sản xuất mía đường tập trung chủ yếu ở vùng nguyên liệu mía thuộc các huyện Ea Kar, M'Drắk,...

Hình 10.8. Nhà máy mía đường 333 (huyện Ea Kar)

3. Công nghiệp sản xuất đồ uống

Sản xuất bia có mức tăng trưởng khá nhanh, đặc biệt với sự đóng góp chủ lực của nhà máy bia Sài Gòn (SABECO), chi nhánh Đắk Lắk (đặt tại thành phố Buôn Ma Thuột).

Sản xuất nước tinh khiết gặp phải một số khó khăn về vấn đề thị trường cạnh tranh. Các nhà máy sản xuất nước tinh khiết phân bố chủ yếu ở thành phố Buôn Ma Thuột, thị xã Buôn Hồ và các huyện Buôn Đôn, Ea Kar.

Hình 10.9. Nhà máy bia Sài Gòn, chi nhánh Đắk Lắk

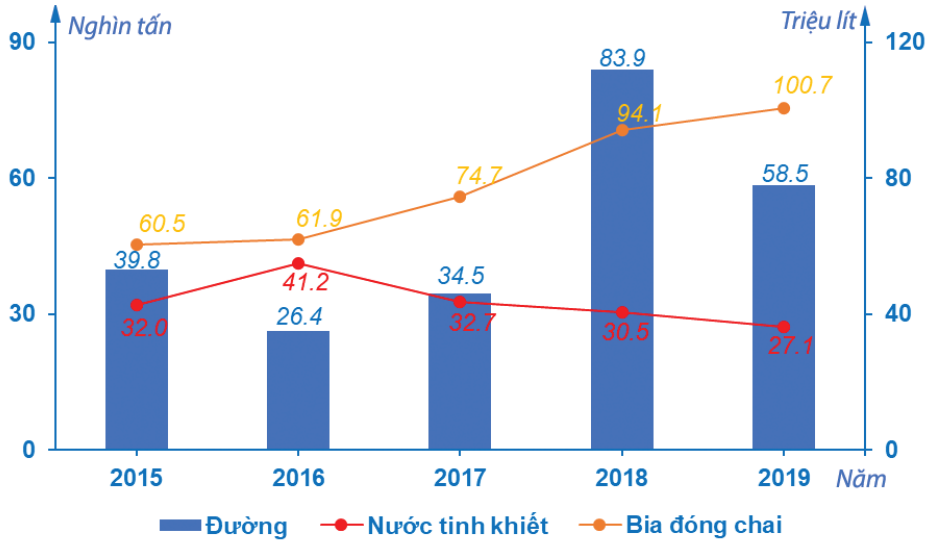

Hình 10.10. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chế biến thực phẩm, đồ uống của tỉnh Đắk Lắk

– Đọc thông tin và quan sát hình 10.10, nhận xét tình hình sản xuất một số sản phẩm công nghiệp chế biến thực phẩm, đồ uống của Đắk Lắk, giai đoạn 2015 – 2019.

Trong thời gian tới, chế biến thực phẩm, đồ uống tiếp tục được xác định là ngành công nghiệp trọng điểm của tỉnh phát triển theo hướng đổi mới dây chuyền công nghệ chế biến nhằm nâng cao chất lượng, mở rộng quy mô sản xuất, đặc biệt là ngành chế biến cà phê. Việc sử dụng máy móc tự động hoá và công nghệ hiện đại vào sản xuất đặt ra yêu cầu trình độ chuyên môn cao cho người lao động, đồng thời giảm bớt số lượng lao động thủ công trong các nhà máy.

II. CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN LÂM SẢN

Công nghiệp chế biến lâm sản là ngành có vai trò quan trọng trong việc phát huy tiềm năng khai thác tài nguyên rừng, giải quyết việc làm và tạo nguồn hàng xuất khẩu cho tỉnh Đắk Lắk. Các sản phẩm chính của ngành bao gồm gỗ cưa, gỗ xẻ, bột gỗ,... và các phụ phẩm như dăm gỗ, vỏ bào,...

– Kể tên các sản phẩm của công nghiệp chế biến lâm sản được sử dụng trong gia đình.

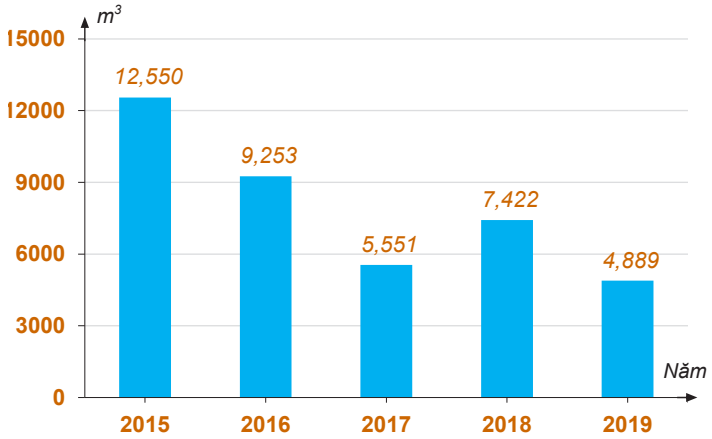

Hình 10.11. Sản lượng gỗ chế biến của tỉnh Đắk Lắk

– Đọc thông tin và quan sát hình 10.11, nhận xét sản lượng gỗ chế biến của tỉnh Đắk Lắk trong giai đoạn 2015 – 2019.

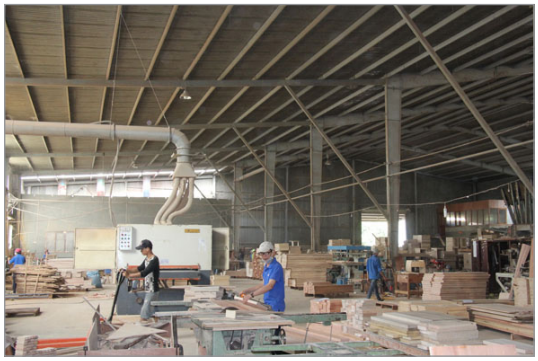

Hình 10.12. Chế biến lâm sản tại cụm công nghiệp Tân An (thành phố Buôn Ma Thuột)

Em có biết

Trước đây, nguồn nguyên liệu (chủ yếu là gỗ) cho công nghiệp chế biến lâm sản của tỉnh Đắk Lắk được khai thác cả từ rừng trồng và rừng tự nhiên nên sản lượng gỗ chế biến có xu hướng tăng. Từ sau năm 2014, tỉnh thực hiện đóng cửa rừng tự nhiên nên sản lượng gỗ nguyên liệu sụt giảm kéo theo sản lượng gỗ chế biến của ngành cũng giảm khá nhanh.

Nguyên liệu cho chế biến hiện nay chủ yếu là gỗ từ rừng trồng, gỗ vườn,... Gần đây, để tận dụng nguyên liệu khi gỗ tự nhiên thiếu hụt, tỉnh còn có nhiều cơ sở chế biến gỗ nhân tạo (gỗ công nghiệp) từ các vật liệu gỗ dư thừa, vụn gỗ, gỗ nhỏ, gỗ cành,... Các nhà máy chế biến gỗ lớn phân bố tại thành phố Buôn Ma Thuột, M'Drắk,...

Hình 10.13. Viên nén gỗ

Em có biết

Viên nén gỗ hay viên nén mùn cưa là loại nhiên liệu sinh học có nguồn gốc từ các vật liệu như dăm bào, mùn cưa, gỗ thải,… thông qua dây chuyền sản xuất hiện đại được ép thành các viên gỗ nhỏ và cứng. Viên nén mùn cưa được sử dụng để hút ẩm trong các chuồng trại, đốt trong lò sưởi, dùng làm nhiên liệu cho một số xí nghiệp công nghiệp.

Định hướng trong thời gian tới, tỉnh tiếp tục đầu tư đổi mới dây chuyền công nghệ trang thiết bị nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm từ gỗ và tăng tỉ lệ sản phẩm gỗ tinh chế thay vì sơ chế như hiện nay. Cùng với đó là thu hút các nhà đầu tư nhằm phát triển nhà máy chế biến lâm sản, tinh bột giấy, viên nén gỗ… gắn với vùng nguyên liệu tại một số địa phương có thế mạnh về rừng trồng như M'Drắk, Lắk, Krông Bông…

Theo xu hướng cơ giới hoá và tự động hoá, nhu cầu sử dụng lao động giản đơn trong ngành công nghiệp chế biến lâm sản có xu hướng giảm dần trong khi nhu cầu công nhân kĩ thuật và thiết kế mẫu mã có xu hướng tăng.

LUYỆN TẬP

Lựa chọn các thông tin ở cột A với cột B cho phù hợp để thể hiện tác động của xu hướng phát triển công nghiệp ở tỉnh Đắk Lắk tới nhu cầu lao động của tỉnh.

A	*B*
Gia tăng số lượng và mở rộng quy mô các nhà máy	Tăng tỉ lệ lao động có trình độ kĩ thuật, giảm tỉ lệ lao động giản đơn
Đổi mới dây chuyền công nghệ tự động hoá	Gia tăng nhu cầu lao động mang tính sáng tạo
Đa dạng hoá sản phẩm	Tạo thêm việc làm cho người lao động

VẬN DỤNG

Tìm hiểu về một ngành công nghiệp trong nhóm ngành công nghiệp chế biến thực phẩm, đồ uống, công nghiệp chế biến lâm sản ở địa phương em theo mẫu sau:

TÊN NGÀNH (…), TÊN ĐỊA PHƯƠNG (HUYỆN, XÃ)

– Điều kiện phát triển ngành (thuận lợi/ khó khăn):……..
– Sản phẩm chính, tên thương hiệu:…….....….
– Khả năng tạo việc làm cho người lao động:…...……..
– Thị trường tiêu thụ sản phẩm:……...……
– Suy nghĩ về hướng phát triển ngành đó trong tương lai:.....

TÌM HIỂU THÊM

CÁC SẢN PHẨM CÀ PHÊ CHẾ BIẾN Ở ĐẮK LẮK

Cà phê sau thu hoạch được đưa vào chế biến và tạo ra các sản phẩm tiêu dùng trong nước hoặc xuất khẩu.

Cà phê nhân: Cà phê nhân là cà phê mới chỉ được sơ chế (chế biến thô), trải qua 2 giai đoạn chính là tách vỏ và làm khô. Tính đến năm 2019, cà phê nhân chiếm phần lớn sản lượng cà phê xuất khẩu của tỉnh Đắk Lắk. Tuy sản lượng xuất khẩu cà phê nhân lớn nhưng giá thành tương đối thấp nên lợi nhuận mang lại chưa cao.

Cà phê bột: Là thành phẩm sau quá trình rang xay cà phê nhân, nghiền nát và tẩm ướp các loại phụ phẩm, hương liệu khác. Cà phê bột thường được pha phin hoặc pha máy khi dùng, tuỳ theo mục đích sử dụng và độ mịn của cà phê.

Cà phê hoà tan: Còn gọi là cà phê uống liền, là loại cà phê bột mịn, hoà tan trong nước nóng, rất tiện lợi cho người sử dụng. Cà phê hoà tan thường được kết hợp sẵn với đường và sữa, đóng gói trong từng gói nhỏ, vừa vặn cho mỗi lần dùng. Chế biến cà phê hoà tan thuộc loại chế biến tinh. Sản phẩm cà phê hoà tan của Đắk Lắk là mặt hàng xuất khẩu có giá trị, đã có mặt ở nhiều quốc gia trên thế giới.

Phần III

CHÍNH TRỊ – XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG

Bài 11 CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TỈNH ĐẮK LẮK

Học xong bài này, em sẽ:

- Nêu được thế nào là an sinh xã hội, những bộ phận cơ bản của an sinh xã hội.
- Trình bày được những chính sách an sinh xã hội cho đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Đắk Lắk.
- Nêu được những hiệu quả mà chính sách an sinh xã hội đã mang lại cho đồng bào dân tộc thiểu số ở Đắk Lắk.
- Xác định được trách nhiệm của người dân trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội ở tỉnh Đắk Lắk.

MỞ ĐẦU

Em hãy xác định chính sách an sinh xã hội trong số những chính sách sau đây. Hãy chia sẻ những điều em biết về chính sách đó?

– Chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID

– Chính sách hỗ trợ người có công với cách mạng

– Chính sách miễn, giảm tiền sử dụng đất

– Chính sách bảo vệ tài nguyên, môi trường

– Chính sách xây dựng vùng kinh tế mới

– Chính sách xây dựng khu công nghiệp, khu chế xuất

– Chính sách hỗ trợ người nghèo

– Chính sách chống độc quyền

– Chính sách trợ giúp xã hội cho các đối tượng yếu thế

KIẾN THỨC MỚI

I. AN SINH XÃ HỘI VÀ NHỮNG BỘ PHẬN CƠ BẢN CỦA AN SINH XÃ HỘI

Đọc thông tin, quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi:

– An sinh xã hội là sự bảo vệ của xã hội đối với các thành viên của mình thông qua một loạt biện pháp công cộng, nhằm chống lại những khó khăn về kinh tế và xã hội do bị ngừng hoặc giảm thu nhập, gây ra bởi ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, thất nghiệp, thương tật, tuổi già và chết; đồng thời, đảm bảo các chăm sóc y tế và trợ cấp cho các gia đình đông con.

– An sinh xã hội gồm những bộ phận cơ bản: Bảo hiểm xã hội; Trợ giúp xã hội; Trợ cấp gia đình; Các quỹ tiết kiệm xã hội.

– An sinh xã hội là biểu hiện rõ rệt của quyền con người, thể hiện chủ nghĩa nhân đạo cao đẹp và truyền thống đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau, tương thân tương ái của cộng đồng.

Hình 11.1. Mô hình trồng cà phê và trồng tiêu giúp nhiều hộ nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững

Hình 11.2. Công tác hỗ trợ vật chất, kĩ thuật để người dân chăn nuôi có hiệu quả

Hình 11.3. Cán bộ Sở Tư pháp hướng dẫn người dân xã Cư Pui, huyện Krông Bông, Đắk Lắk tìm hiểu các văn bản pháp lí

Hình 11.4. Tín dụng chính sách đã giúp đồng bào dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa ở tỉnh Đắk Lắk ổn định cuộc sống

Hình 11.5. Lễ trao nhà Tình nghĩa cho chị H'Pót Êban (xã Hoà Đông) do Hội Chữ thập đỏ huyện Krông Pắc vận động doanh nghiệp xây tặng

Hình 11.6. Đắk Lắk tổ chức biểu diễn văn hoá cồng chiêng phục vụ Nhân dân địa phương và du khách

Dựa vào thông tin em hãy cho biết những việc làm trong từng hình thể hiện nội dung nào của an sinh xã hội? Theo em, an sinh xã hội gồm những bộ phận nào?

II. MỘT SỐ CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TỈNH ĐẮK LẮK

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi:

Thông tin 1.

Trong những năm gần đây, các chính sách về lao động, người có công và xã hội được tỉnh Đắk Lắk triển khai có hiệu quả, nhờ đó giải quyết việc làm tăng, an sinh xã hội về cơ bản được bảo đảm, phúc lợi xã hội và đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện.

Hình 11.7. Năm 2017, huyện Krông Pắc đã trích gần 7 tỉ đồng để triển khai thực hiện các chính sách an sinh xã hội

Hiện nay, đối tượng hưởng trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk gần 50 000 người, kinh phí chi trả gần 235 tỉ đồng trong năm 2020. Trong năm 2020, tỉnh đã tổ chức cứu đói cho 33 644 hộ, 118 223 khẩu, với 1 773,35 tấn gạo; hỗ trợ mai táng phí cho 34 hộ gia đình có người bị chết, 7 người bị thương nặng; 30 nhà ở bị đổ, sập, trôi, cháy, bị hỏng nặng, tổng kinh phí thực hiện hơn 17 tỉ đồng. Theo thống kê, có 98,6% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc.

Chương trình đào tạo nghề miễn phí cho lao động nông thôn: Giai đoạn 2010 – 2015, toàn tỉnh đã tổ chức 477 lớp đào tạo nghề cho 16.054 lao động, với kinh phí 43 347 triệu đồng, trong đó có khoảng 30% là lao động thuộc hộ nghèo, với kinh phí thực hiện khoảng 12 000 triệu đồng.

Về hỗ trợ y tế: toàn tỉnh có 2 991 613 lượt người nghèo, cận nghèo và người dân tộc thiểu số được cấp thẻ bảo hiểm y tế, đạt 90,52% kế hoạch. Đã có khoảng 1 629 759 lượt người khám chữa bệnh bằng thẻ bảo hiểm y tế, với kinh phí khám chữa bệnh là 509 655 triệu đồng.

Có khoảng 2 259 000 lượt học sinh, sinh viên được miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ gạo, hỗ trợ tiền ăn.

Giai đoạn 2010 – 2015, Đắk Lắk hỗ trợ làm nhà ở cho 367 hộ với kinh phí thực hiện là 9 104 triệu đồng (không tính vốn vay).

Với việc thực hiện các chính sách về giảm nghèo và nhiều giải pháp triển khai đồng bộ, kịp thời ở tất cả các cấp, các ngành nên đời sống vật chất và tinh thần của người nghèo, người cận nghèo, người đồng bào dân tộc thiểu tại tỉnh Đắk Lắk từng bước được cải thiện, mức thu nhập bình quân nhóm hộ nghèo tăng khoảng 2,2 lần so với năm 2010. Tỉ lệ hộ nghèo chung toàn tỉnh Đắk Lắk giảm bình quân 2,96%/năm, tỉ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm 5,39%/năm.

Thông tin 2.

Huyện Cư M'gar có 189 thôn, buôn, tổ dân phố, trong đó có 73 buôn đồng bào dân tộc thiểu số với 25 dân tộc anh em sinh sống. Thực hiện Công văn 258-CV/HU ngày 23 tháng 5 năm 2012 của Ban Thường vụ Huyện uỷ về việc thực hành tiết kiệm 1 000 đồng hỗ trợ, giúp đỡ các hộ nghèo, qua gần 5 năm triển khai, dù đời sống còn nhiều khó khăn nhưng với tinh thần tương thân, tương ái, huyện đã vận động cán bộ, đảng viên và nhân dân ủng hộ được gần 6 tỉ đồng giúp xây mới 130 căn, sửa 6 căn nhà cho hộ nghèo các dân tộc trên địa bàn.

Cùng với chính sách đào tạo cán bộ người dân tộc, từ năm 2011 đến nay, bằng nguồn vốn của Chương trình 135, huyện M'Drắk đã đầu tư xây dựng 59 hạng mục công trình cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn với tổng kinh phí trên 24,4 tỉ đồng; dành gần 6 tỉ đồng hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi để đồng bào phát triển sản xuất. Bên cạnh đó, huyện cũng đã hoàn thành việc cấp đất ở cho 185 hộ, cấp đất sản xuất cho 664 hộ và cấp nước sinh hoạt cho 1 356 hộ…, góp phần giảm tỉ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số tại huyện M'Drắk từ 49,24% đầu năm 2011, xuống còn trên 20% vào năm 2015.

(Theo Minh Châu, *www.dangcongsan.vn*)

– Kể tên các chính sách xã hội của tỉnh Đăk Lắk được nói đến trong thông tin.

– Theo em, những chính sách đó có ý nghĩa như thế nào đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Đắk Lắk?

III. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI DÂN TRONG VIỆC XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI Ở TỈNH ĐẮK LẮK

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi:

Người dân tham gia vào quá trình xây dựng và thực hiện chính sách an sinh xã hội nhằm bảo đảm cho các chính sách được ban hành đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế – xã hội và nguyện vọng chính đáng của người dân. Đây là quá trình tương tác hai chiều, nhằm khuyến khích và huy động trí tuệ, nhận thức của người dân vào xây dựng chính sách an sinh xã hội.

Trong những năm gần đây, tại tỉnh Đắk Lắk đã có rất nhiều những cá nhân, đơn vị đạt thành tích xuất sắc trong công tác vận động, ủng hộ chương trình an sinh xã hội của tỉnh:

Agribank Đắk Lắk là một ngân hàng thương mại đóng vai trò chủ lực trong hoạt động tín dụng cung ứng vốn cho nông nghiệp, nông thôn, góp phần nâng cao đời sống nông dân, đồng thời còn là một doanh nghiệp có trách nhiệm với cộng đồng, với nhiều hoạt động tích cực trong công tác an sinh xã hội, góp phần thực hiện chính sách an sinh xã hội tại địa phương, với giá trị tài trợ lên tới hàng chục tỷ đồng. Đặc biệt, trong năm 2021, đơn vị đã tài trợ cho các hoạt động an sinh xã hội với số tiền trên 9 tỉ đồng, trong đó trên 50% dành cho công tác hỗ trợ phòng chống dịch COVID-19.

Cùng với công tác tập hợp, vận động các tầng lớp nhân dân tham gia các phong trào thi đua yêu nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Ea Kar đã phát huy vai trò kết nối, huy động nguồn lực hỗ trợ hộ nghèo an cư, phát triển sản xuất, góp phần bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn. Trong những năm qua, đã có hàng trăm hộ nghèo, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn huyện Ea Kar được an cư từ những căn nhà Đại đoàn kết. Để có được những ngôi nhà ấm áp tình người, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các tổ chức thành viên đã tích cực huy động các nguồn lực, vận động nhân dân, đoàn viên, hội viên ủng hộ ngày công làm nhà, qua đó tạo sự gắn kết tình làng nghĩa xóm. Cách làm này đã nhận được sự đồng thuận, đánh giá cao của chính quyền địa phương và người dân. Trong năm 2021, từ nguồn vận động Quỹ Vì người nghèo và cấp trên phân bổ, Mặt trận Tổ quốc huyện đã hỗ trợ xây dựng, sửa chữa 61 căn nhà và 361 công trình vệ sinh cho hộ nghèo.

– Người dân tỉnh Đắk Lắk đã tham gia xây dựng và thực hiện chính sách an sinh xã hội của tỉnh như thế nào?

– Việc làm đó có ý nghĩa như thế nào đối với công tác an sinh xã hội của tỉnh?

LUYỆN TẬP

1. Em đồng ý với quan niệm nào sau đây về an sinh xã hội? Vì sao?

a. An sinh xã hội là góp phần đảm bảo thu nhập và đời sống cho các công dân trong xã hội khi họ không may gặp phải những "rủi ro xã hội" hoặc các "biến cố xã hội" dẫn đến ngừng hoặc giảm thu nhập.

b. An sinh xã hội chỉ dành cho người dân ở một số tỉnh miền núi.

c. An sinh xã hội đảm bảo các chăm sóc y tế và trợ cấp cho các gia đình đông con.

d. An sinh xã hội thể hiện chủ nghĩa nhân đạo cao đẹp và truyền thống đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau, tương thân tương ái của cộng đồng.

đ. An sinh xã hội chỉ bao gồm những trợ cấp về tiền mặt và hiện vật cho người dân.

2. Em hãy đọc thông tin dưới đây:

Cũng như nhiều hộ gia đình khác, gia đình ông KThanh (ở thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc) gắn bó bao đời trên mảnh đất đầy nắng và gió này. Cách đây khoảng 10 năm, cuộc sống gia đình ông thiếu đủ bề, con cái đi học gặp nhiều khó khăn. Thế nhưng, với sự hỗ trợ về vốn vay ưu đãi cộng thêm một số chính sách hỗ trợ về con giống, vật nuôi, chuyển giao khoa học kĩ thuật nên gia đình đã có nguồn thu ổn định. "Nhờ sự hỗ trợ của Đảng và chính quyền mà gia đình tôi đã thoát được nghèo, vươn lên ổn định và giúp con cái có cái chữ để phát triển" – ông KThanh chia sẻ.

(Theo Phạm Hoài, *baotainguyenmoitruong.vn)*

– Gia đình ông KThanh đã được hưởng những chính sách an sinh xã hội gì?

– Những chính sách đó đã mang lại lợi ích gì cho gia đình ông KThanh?

VẬN DỤNG

Em hãy kể tên và sưu tầm một số hình ảnh, tư liệu về những hoạt động chính sách an sinh xã hội đã và đang được triển khai tại địa phương em.

Tên hoạt động, chính sách	Thông tin	Hình ảnh

TÌM HIỂU THÊM

NHỮNG CHỨC NĂNG CƠ BẢN CỦA AN SINH XÃ HỘI (ASXH)

Thứ nhất, đó là chức năng phòng ngừa: ASXH góp phần đảm bảo an toàn, ổn định cho toàn bộ nền kinh tế – xã hội. Để phòng ngừa, hạn chế tổn thất, các đơn vị kinh tế phải đề ra các quy định chặt chẽ về an toàn lao động buộc mọi người phải tuân thủ. Khi có rủi ro xảy ra với người lao động, hệ thống ASXH kịp thời hỗ trợ, tạo điều kiện cho người lao động nhanh ổn định cuộc sống và sản xuất. Tất cả những yếu tố đó góp phần quan trọng làm ổn định nền kinh tế – xã hội. Từ giác độ phòng ngừa, hệ thống ASXH góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội. Quỹ ASXH, trong đó có quỹ BHXH là nguồn tài chính tập trung khá lớn, được sử dụng để chi trả các chế độ cho người lao động và gia đình họ, phần nhàn rỗi được đầu tư vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh để bảo tồn và tăng trưởng quỹ. Như vậy xét trên cả phương diện chi trả các chế độ, cũng như đầu tư tăng trưởng quỹ, hoạt động của quỹ ASXH đều góp phần ổn định xã hội và thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế.

Thứ hai, đó là chức năng giảm thiểu rủi ro: Với các cơ chế san sẻ rủi ro (cả theo chiều dọc và theo chiều ngang), hệ thống ASXH, nhất là trụ cột BHXH, tạo điều kiện cho mọi người dân, mọi doanh nghiệp khi tham gia vào hệ thống có được nguồn tài chính để trang trải cho các hoạt động đời sống gia đình; doanh nghiệp không phải bỏ một khoản kinh phí lớn để trang trải những rủi ro đối với người lao động (ví dụ: như thất nghiệp, tai nạn lao động), có thể ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh. Nhà nước, nhờ có các quỹ ASXH, nhất là quỹ BHXH, không phải chi một khoản tiền lớn cho các trợ cấp xã hội, qua đó có thể sử dụng ngân sách cho các mục tiêu phát triển.

Thứ ba, đó là chức năng khắc phục rủi ro: ASXH góp phần ổn định đời sống của người lao động. Hệ thống các trợ cấp trong ASXH sẽ góp phần thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập khi người lao động bị ốm đau, mất khả năng lao động, mất việc làm, hoặc chết. Nhờ có sự thay thế hoặc bù đắp thu nhập kịp thời mà người lao động khắc phục nhanh chóng được những tổn thất về vật chất, nhanh phục hồi sức khoẻ, ổn định cuộc sống để tiếp tục quá trình hoạt động bình thường.

(Theo PGS.TS. Mạc Văn Tiến, *bhxhbqp.vn*)

Bài 12

MỘT SỐ THIÊN TAI THƯỜNG XẢY RA Ở ĐẮK LẮK VÀ CÁCH PHÒNG TRÁNH

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được một số loại hình thiên tai, thiệt hại thường xảy ra ở Đắk Lắk.
- Nêu được một số biện pháp phòng chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai ở địa phương.
- Có ý thức tuyên truyền và tự bảo vệ bản thân khi có thiên tai xảy ra.

MỞ ĐẦU

Chia sẻ về những việc em và gia đình đã làm khi gặp mưa lũ hoặc một loại hình thiên tai khác xảy ra ở địa phương nơi em sống.

Hình 12.1. Mưa lũ ở huyện Ea Súp

KIẾN THỨC MỚI

I. MỘT SỐ LOẠI HÌNH THIÊN TAI THƯỜNG XẢY RA Ở ĐẮK LẮK

1. Thiên tai là gì?

Thiên tai là hiện tượng tự nhiên bất thường có thể gây thiệt hại về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và các hoạt động kinh tế – xã hội , bao gồm bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh trên biển, lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt; sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ; hạn hán; nước biển dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, cháy rừng do tự nhiên, rét hại, mưa đá, sương mù, sương muối, động đất, sóng thần và các loại thiên tai khác.

2. Một số thiên tai thường xảy ra ở tỉnh Đắk Lắk

Các loại hình thiên tai chủ yếu thường xảy ra ở Đắk Lắk bao gồm: lốc tố, dông sét, mưa lũ, ngập lụt và hạn hán. Một số địa phương thường xuyên xảy ra thiên tai như huyện Krông Ana, M'Drắk, Ea Súp, Ea Kar, Lắk,… Năm 2019, ở Đắk Lắk đã xảy ra 8 vụ lốc tố, dông sét, tập trung chủ yếu vào thời điểm từ tháng 3 đến đầu tháng 6; 2 đợt hạn hán; 3 đợt mưa lũ, ngập lụt. Năm 2020, trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đã hứng chịu 23 đợt thiên tai, trong đó, có 1 đợt hạn hán; 16 trận lốc tố, dông sét.

Hình 12.2. Hạn hán gây ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp của người dân ở xã Cư Pui (Huyện Krông Bông)

Hình 12.3. Mưa lũ gây ảnh hưởng đến giao thông ở huyện Ea Kar

Theo thống kê, thiệt hại do thiên tai gây ra trong năm gần đây như sau:

Năm 2019, về người: có 1 người chết và 3 người bị thương; về nhà ở: có 111 ngôi nhà bị hư hỏng (trong đó có 4 ngôi nhà bị hư hỏng hoàn toàn), 2 094 lượt nhà bị ngập nước; về trường học: có 21 điểm trường bị ảnh hưởng với 14 phòng học bị hư hỏng; về sản xuất nông nghiệp: có tổng 46 286 ha cây trồng các loại bị ảnh hưởng (lúa, ngô và rau màu, cây công nghiệp, cây lâu năm), trong đó 11 700 ha mất trắng.

Năm 2020, thiên tai đã làm 11 người thương vong; hàng ngàn nhà dân bị ngập lụt và 173 căn nhà bị hư hỏng nặng; ảnh hưởng gần 50 nghìn ha cây trồng, hoa màu; hơn 36

nghìn con gia súc, gia cầm bị cuốn trôi; 374 ha ao nuôi thuỷ sản bị ngập lụt; nhiều công trình thuỷ lợi, hạ tầng giao thông bị hư hỏng nghiêm trọng; ước tính thiệt hại lên đến 939 tỉ đồng. Trong đó, một số địa phương chịu thiệt hại nặng nề như huyện Krông Bông, M'Drắk, Krông Ana, Lắk, Ea Súp, Buôn Đôn,…

– Theo em thiên tai là gì?

– Liệt kê một số loại hình thiên tai thường xảy ra ở tỉnh Đắk Lắk.

– Nêu một số thiệt hại do thiên tai gây ra ở tỉnh Đắk Lắk trong những năm qua theo gợi ý sau:

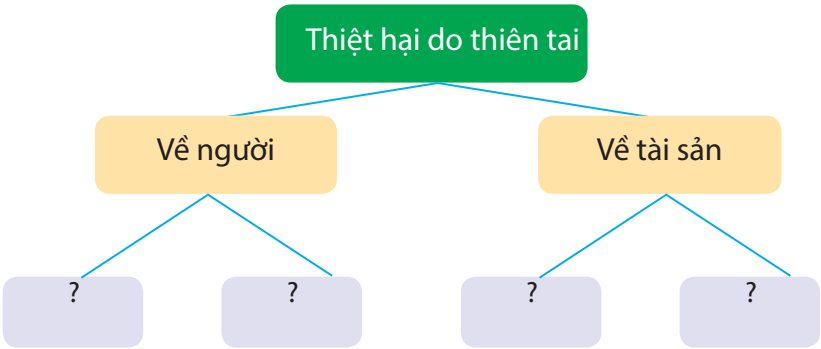

II. MỘT SỐ BIỆN PHÁP PHÒNG CHỐNG VÀ GIẢM NHẸ RỦI RO THIÊN TAI Ở ĐẮK LẮK

Để phòng chống, giảm nhẹ thiệt hại thiên tai có hiệu quả, tỉnh Đắk Lắk đã thực hiện một số biện pháp như:

1. Đối với hạn hán

Các địa phương trong tỉnh triển khai các giải pháp phòng hạn, chủ động kế hoạch sản xuất phù hợp với nguồn nước, chuyên đổi cơ cấu giống cây trồng, thời vụ sản xuất; nạo vét kênh mương, tưới tiết kiệm, lắp đặt trạm bơm dã chiến để tận dụng mọi nguồn nước, đặc biệt cấp nước theo thứ tự ưu tiên để chống hạn đảm bảo nước sinh hoạt; thường xuyên thông tin rộng rãi về tình hình hạn hán đến chính quyền các cấp và người dân được biết để chủ động ứng phó, đồng thời tổ chức tập huấn, tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ nguồn nước và sử dụng nước tiết kiệm để phòng chống hạn hán.

Hình 12.4. Người dân tham gia đào mương để dẫn nước chống hạn cho lúa ở xã Cư Elang, huyện Ea Kar

2. Đối với mưa lớn, lũ, ngập lụt, sạt lở đất

Bảo vệ và phát triển rừng, quản lí việc khai thác tài nguyên một cách bền vững; tăng cường tuyên truyền, nâng cao ý thức phòng chống thiên tai đối với người dân, đặc biệt

đối với cộng đồng vùng sâu, vùng xa, khu vực dễ bị tổn thương; đôn đốc các địa phương rà soát phương án ứng phó mưa lũ, ngập lụt, sạt lở đất; tập trung rà soát các khu vực dân cư có nguy cơ ảnh hưởng để lập phương án sơ tán dân khi có thiên tai, kiểm tra các công trình thuỷ lợi, cầu giao thông trên địa bàn kịp thời phát hiện sự cố và có biện pháp xử lí đảm bảo an toàn.

Hình 12.5. Trồng và chăm sóc rừng ở huyện M'Drắk

3. Đối với lốc tố, giông sét

Tăng cường các hoạt động tuyên truyền, phổ biến hướng dẫn nhân dân cách nhận biết, kĩ năng ứng phó giông kèm lốc, sét, mưa đá, gió giật mạnh; hướng dẫn, khuyến cáo người dân thực hiện các biện pháp phòng chống như: chằng chống, gia cố nhà cửa; tìm nơi tránh trú an toàn khi có giông, lốc, sét,…

– Liệt kê các giải pháp phòng tránh thiên tai ở tỉnh Đắk Lắk. Địa phương nơi em ở đã thực hiện được những giải pháp nào?

LUYỆN TẬP

***1.** Giải thích lí do vì sao những việc làm sau đây có thể làm giảm nguy cơ, thiệt hại do thiên tai xảy ra ở tỉnh Đắk Lắk.*

Hình 12.6. Người dân chuẩn bị trồng rừng mới

Hình 12.7. Kiểm tra thực tế tình hình sạt lở đất ở huyện Lắk

***2.** Thảo luận đề xuất các hình thức tuyên truyền phòng tránh, giảm nhẹ rủi ro thiên tai ở địa phương.*

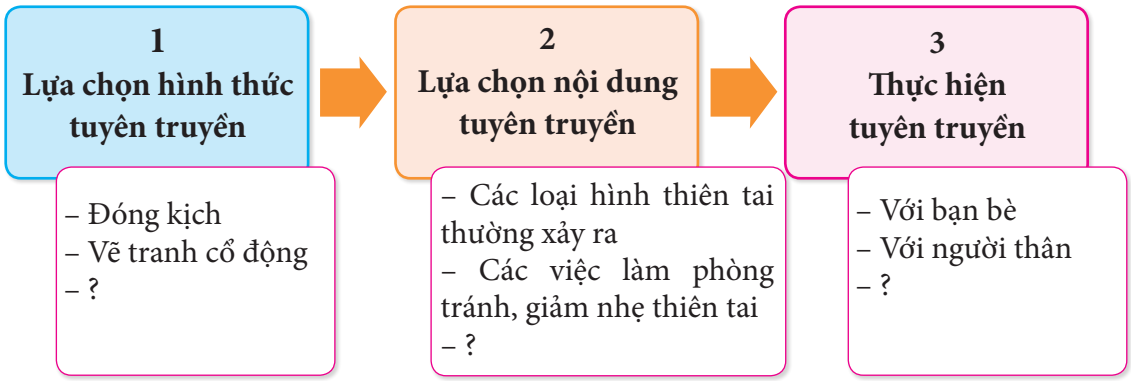

3. *Lựa chọn và thực hành các bước phòng tránh và giảm nhẹ rủi ro do thiên tai gây ra.*

CÁC BƯỚC PHÒNG TRÁNH VÀ GIẢM NHẸ RỦI RO DO BÃO

Trước mùa mưa bão

- Giúp cha mẹ chằng, chống nhà cửa để chống chịu được gió to.
- Cất sách vở và các giấy tờ quan trọng vào túi ni lông kín.
- Giúp cha mẹ dự trữ lương thực, thực phẩm, nước uống, thuốc và đưa các vật dụng cần thiết lên chỗ an toàn, cao ráo.
- Luôn theo dõi các thông tin về bão để có hành động kịp thời.

Khi bão về

- Ở lại trong các khu nhà kiên cố, không được đi ra ngoài. Nếu đang ở bên ngoài, nhanh chóng tìm nơi trú ẩn an toàn, tránh xa các gốc cây, cột điện vì chúng có thể bị gãy, đổ.
- Nghe theo hướng dẫn của cha mẹ và người lớn, giúp trông các em nhỏ hơn.
- Lắng nghe các thông báo trên loa phóng thanh ở nơi em sống.

Khi bão tan

- Giúp đỡ cha mẹ và hàng xóm dọn dẹp vệ sinh, sửa chữa, khắc phục các hư hỏng trong nhà.
- Đặc biệt tránh xa các ổ điện, dây điện hoặc nơi có cột điện bị đổ. Nhắc cha mẹ kiểm tra lại nguồn điện trong nhà để đảm bảo an toàn cho gia đình.
- Ăn chín, uống sôi, ngủ màn để tránh dịch bệnh.
- Tiếp tục theo dõi các thông tin về bão trên đài truyền hình, đài phát thanh hoặc thông báo của chính quyền địa phương.

VẬN DỤNG

Tìm hiểu và luyện tập một số tư thế bảo vệ bản thân khi gặp sét đánh, sạt lở đất.

GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

THUẬT NGỮ	GIẢI THÍCH	TRANG
Lễ	Những nghi thức tiến hành nhằm đánh dấu hoặc kỉ niệm một sự việc, sự kiện có ý nghĩa nào đó (nói tổng quát).	17
Hội	Cuộc vui tổ chức chung cho đông đảo người dự, theo phong tục hoặc nhân dịp đặc biệt.	19
Lễ hội	Cuộc vui tổ chức chung, có các hoạt động lễ nghi mang tính văn hoá truyền thống của dân tộc.	16
Truyền thống	Thói quen hình thành đã lâu đời trong lối sống và nếp nghĩ, được truyền lại từ thế hệ này sang thế hệ khác.	12
Tù trưởng	Là người đứng đầu bộ lạc.	6
Thị trường lao động	Là thị trường trong đó có các dịch vụ lao động được mua và bán thông qua quá trình để xác định mức độ có việc làm của lao động, cũng như mức độ tiền công.	50
Thiên tai	Là hiện tượng tự nhiên bất thường có thể gây thiệt hại về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và các hoạt động kinh tế – xã hội, bao gồm bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh trên biển, lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt; sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy hoặc hạn hán; nước dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, cháy rừng do tự nhiên, rét hại, mưa đá, sương mù, sương muối, động đất, sóng thần và các loại thiên tai khác.	68
Rủi ro thiên tai	Là thiệt hại mà thiên tai có thể gây ra về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và hoạt động kinh tế – xã hội.	70
Phòng, chống thiên tai	Là quá trình mang tính hệ thống, bao gồm hoạt động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.	72

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thạch Phương – Lê Trung Vũ, *60 lễ hội truyền thống Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, 1995
2. Tỉnh uỷ – HĐND tỉnh Đắk Lắk, *Địa chí Đắk Lắk*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2015
3. Trương Bi, *Nghi lễ cổ truyền của người Mnông*, NXB Văn hoá dân tộc, 2006
4. Cục Thống kê tỉnh Đắk Lắk, *Niên giám thống kê năm 2019*
5. Phan Văn Bé, *Tây Nguyên sử lược*, Nxb Giáo dục, 2001

NGUỒN TƯ LIỆU ẢNH

- Báo tin tức (http://daklak.tintuc.vn): Hình 2.1
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Đắk Lắk (https://daklak.gov.vn): Các hình: 9.1, 3.2, 10.1
- Báo Đắk Lắk online (https://baodaklak.vn/): Các hình: 9.4, 9.10, 10.7
- Cổng thông tin điện tử huyện Cư Kuin tỉnh Đắk Lắk (http://cukuin.daklak.gov.vn): Hình 2.2.
- Cổng thông tin điện tử Bảo tàng Đắk Lắk: Hình 2.3
- http://shopthuanthien.com: Hình 8.1
- https://nongnghiep.vn: Hình 8.2
- http://lapduandautu.vn: Hình 8.3
- https://tapchicongthuong.vn: Hình 8.4
- https://cokhitrongtuyet.com: Hình 10.2
- https://messagecoffee.com: Hình 10.3
- https://goldencup.vn: Hình 10.4
- http://ranggiacongcaphe.com.vn: Hình 10.5
- https://shopee.vn: Hình 10.7
- https://doanhnghiepvn.vn: Hình 10.8
- https://baodansinh.vn: Hình 10.9
- https://cuimuncua.net: Hình 10.13
- Huỳnh Ngọc La Sơn: Hình: 5.3
- Nguyễn Hữu Hùng: Các hình: 3.1, 3.3, 3.4, 4.1, 5.1, 5.2, 5.4, 5.6, 5.7
- Trung tâm dịch vụ việc làm Đắk Lắk (vieclamdaklak.net): Các hình: 9.2, 9.3, 9.6, 9.7, 9.8, 9.9
- Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Đắk Lắk: Hình 9.5
- Bảo tàng Đắk Lắk: Hình 5.5

Tập thể tác giả biên soạn xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu, ảnh được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.